

VN-Index giảm 0,5%

Ngày báo cáo

31/7/2026

Phòng Nghiên cứu & Phân tích

research@vietcap.com.vn

+8428 3914 3588

Điểm nhấn thị trường

VN-Index giảm 0,5%

VN-Index giảm 0,5% (-8,9 điểm) trong phiên thứ Sáu, khép lại tuần giao dịch tại 1.735,8 điểm. Diễn biến phân hóa ở nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, với 18 mã giảm và 10 mã tăng trong nhóm VN30. Toàn sàn ghi nhận 133 mã tăng, 204 mã giảm và 49 mã đi ngang. Thanh khoản giảm so với phiên trước, đạt 19 nghìn tỷ đồng.

- Các ngân hàng nhà nước VCB (+5,0%), BID (+2,0%) và CTG (+1,1%) tăng mạnh sau KQKD quý 2 tích cực, trong khi các ngân hàng tư nhân TCB (-1,2%), ACB (-2,0%), LPB (-1,5%) và HDB (-1,9%) giảm mạnh.
- Ở nhóm Bất động sản, VIC (-2,7%) và BCM (-1,7%) giảm mạnh, trong khi VRE (+2,1%) ghi nhận mức tăng tích cực và VHM (+0,1%) tăng nhẹ.
- Ở nhóm Tiêu dùng, FRT (+7,0%) tăng trần, trong khi MSN (-2,7%), MCH (-1,3%), PNJ (-4,6%) và HVN (-1,4%) giảm điểm.
- Các mã giảm đáng chú ý ở các ngành khác bao gồm các công ty Dịch vụ tài chính SSI (-1,9%) và HCM (-2,7%), doanh nghiệp thép HPG (-0,5%), công ty tiện ích POW (-0,7%) và các doanh nghiệp dầu khí BSR (-1,4%), PLX (-1,6%) và PVD (-4,0%).

Dữ liệu thị trường

	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1.735,8	271,3	126,6
% Δ	-0,5%	-1,4%	0,1%
- % Δ 1 tuần	2,9%	-0,6%	0,6%
- % YTD	-2,7%	8,3%	4,8%
- % YOY	15,5%	1,8%	19,7%
GTGD			
- Hôm nay (triệu)	723,9	42,5	12,9
- TB 1 tháng (triệu)	675,6	41,2	15,8
- TB 1 năm (triệu)	1.083,6	72,6	28,2
- TB QTD	675,6	41,2	15,8
- % TB QTD/TB quý gần nhất	-20,0%	-7,6%	-21,6%
Khối ngoại			
- Mua (triệu)	93,6	0,7	0,3
- Bán (triệu)	105,4	2,1	0,9
- GT ròng (triệu)	-11,8	-1,4	-0,6
Độ rộng TT			
Mã tăng	133	52	163
Mã giảm	206	86	172
Không đổi	85	164	514
Chỉ số chính			
GT vốn hóa (tỷ)	313,6	17,6	47,3
P/E trượt 12T	11,8	10,0	14,0
LS cổ tức*	2,5%	4,6%	3,7%
Giao dịch			
Phái sinh	Giá	KL mở cửa	GTGD (tr USD)
VN30F1M	1.875,0	40.150	1.396,11
VN30F2M	1.872,0	1.856	2,83
VN30F1Q	1.868,5	819	0,28
VN30F2Q	1.875,5	117	0,18
VN100F1M	1.783,1	56	0,07
VN100F2M	1.790,6	13	0,01
VN100F1Q	1.786,1	21	0,03
VN100F2Q	1.789,0	9	0,01
USD/VND			
		26.281	

Nguồn: Fiinpro, HSX, HNX

*Phương pháp của Fiinpro được tính toán dựa trên các công ty đã chi trả cổ tức cho năm hiện tại, thay vì toàn bộ VN-Index. Theo Bloomberg, lợi suất cổ tức 12 tháng tổng hợp cho VN-Index tính đến ngày 30/5 là 1.84%.

Điểm tin & Nhận định nhanh

- Ngành ngân hàng – NHNN giảm tỷ lệ khấu trừ số dư tiền gửi có kỳ hạn của Kho bạc Nhà nước trong tính toán tỷ lệ LDR
- ACV: LNST sau lợi ích CĐTS quý 2 tăng 29% YoY nhờ lãi tỷ giá và thu nhập từ công ty liên kết dù doanh thu hàng không hạ nhiệt; nhìn chung phù hợp với kỳ vọng – Báo cáo KQKD
- AST: LNST sau lợi ích CĐTS 6T tăng 52% YoY nhờ hoạt động kinh doanh cốt lõi tích cực và đóng góp từ công ty liên kết; vượt mức kỳ vọng – Báo cáo KQKD
- BID: NIM phục hồi trong quý 2 nhưng vẫn thấp hơn so với kỳ vọng của chúng tôi – Báo cáo KQKD
- DPG: LNST sau lợi ích CĐTS 6T 2026 hoàn thành 49% dự báo cả năm, nhìn chung phù hợp kỳ vọng – Báo cáo KQKD
- DXG: LNST sau lợi ích CĐTS 6T 2026 giảm 30% YoY do biên lợi nhuận thu hẹp – Báo cáo KQKD
- GAS: LNST cốt lõi quý 2 tăng 59% YoY, tiềm năng điều chỉnh tăng nhẹ với dự báo cốt lõi – Báo cáo KQKD
- HDB: Tăng trưởng lợi nhuận mạnh nhờ đóng góp của các công ty con; chất lượng tài sản là điểm cần theo dõi – Báo cáo KQKD
- HDG: LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo giảm YoY do các chi phí bất thường; dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 đối mặt với rủi ro giảm nhẹ – Báo cáo KQKD
- HPG: Lợi nhuận cốt lõi quý 2 tiếp tục tăng trưởng với biên lợi nhuận tiếp tục cải thiện; phù hợp với kỳ vọng – Báo cáo KQKD
- HVN: Quý 2 ghi nhận lỗ do cú sốc chi phí nhiên liệu dù doanh thu tăng trưởng mạnh; rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo – Báo cáo KQKD
- KBC: Lợi nhuận 6T 2026 giảm mạnh 80% YoY chủ yếu do lượng đất KCN bàn giao thấp và chi phí tài chính ở mức cao – Báo cáo KQKD
- OIL: LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo 6T 2026 tăng 84% YoY dù ghi nhận lỗ trong quý 2, kết quả nhìn chung cao hơn nhẹ so với kỳ vọng – Báo cáo KQKD
- PC1: LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi 6T giảm nhẹ YoY; tuy nhiên sẽ không có sự thay đổi đáng kể đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 – Báo cáo KQKD
- PHR: Thu nhập từ bồi thường đất thúc đẩy lợi nhuận 6T 2026 tăng mạnh 245% YoY, phù hợp với kỳ vọng – Báo cáo KQKD
- PLX: LNST sau lợi ích CĐTS 6T tăng 36% YoY nhờ hoàn nhập dự phòng và sản lượng bán tăng; kết quả nhìn chung cao hơn nhẹ so với kỳ vọng – Báo cáo KQKD
- POW: LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi 6T 2026 tăng gấp đôi YoY, hoàn thành 115% dự báo năm 2026 của chúng tôi; triển vọng 6T cuối năm tích cực, tiềm năng điều chỉnh tăng đáng kể – Báo cáo KQKD
- PTB: LNST sau lợi ích CĐTS nửa đầu năm tăng 17% YoY; tiềm năng điều chỉnh tăng đối với dự báo – Báo cáo KQKD
- PVD: LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi 6T 2026 tăng 66% YoY, trong khi quý 2 giảm 11% YoY; thấp hơn dự báo – Báo cáo KQKD & Gặp gỡ HĐQT
- REE: LNST sau lợi ích CĐTS quý 2 tăng 9% YoY bất chấp El Nino – Báo cáo KQKD
- SSI: KQKD 6T 2026 ghi nhận đà tăng trưởng mạnh bất chấp thị trường biến động – Báo cáo KQKD
- STB: KQKD thấp hơn kỳ vọng do chất lượng tài sản suy giảm mạnh – Báo cáo KQKD
- TPB: Tăng trưởng tín dụng mạnh và đóng góp cao từ thu nhập ngoài lãi giúp hỗ trợ lợi nhuận; KQKD nhìn chung phù hợp với dự báo – Báo cáo KQKD
- VEA: Lợi nhuận quý 2 tăng 5% YoY trong bối cảnh lợi nhuận từ các công ty liên kết đi ngang – Báo cáo KQKD
- VIC: Doanh thu mảng BĐS tăng trưởng mạnh và khoản lãi từ việc chuyển nhượng mảng sản xuất của VinFast giúp bù đắp khoản lỗ mảng công nghiệp cao hơn dự kiến trong quý 2/2026 – Báo cáo KQKD & Họp Gặp gỡ HĐQT
- VTP: Lợi nhuận tiếp tục suy yếu do mức giảm của biên lợi nhuận mảng dịch vụ và sự gia tăng của chi phí bán hàng & quản lý doanh nghiệp – Báo cáo KQKD
- FPT: Nhật Bản, châu Âu dẫn đầu đà phục hồi của doanh thu kỷ mới mảng CNTT nước ngoài; tiềm năng thiết lập quan hệ hợp tác công nghệ mới nhằm củng cố năng lực AI – Báo cáo Gặp gỡ HĐQT

Quan điểm kỹ thuật

Về mặt kỹ thuật, nhịp điều chỉnh phiên 31/07 mang tính chất củng cố cho giai đoạn hồi phục hiện tại và chưa làm suy yếu tín hiệu tạo đáy quanh vùng 1.650 điểm. Hỗ trợ gần nằm tại khu vực 1.700–1.720 điểm. Dự báo VN-Index có thể xuất hiện thêm một vài phiên rung lắc hoặc giảm nhẹ trên vùng hỗ trợ này trước khi hướng lên khu vực 1.770–1.800 điểm.

Các nhà đầu tư có thể theo dõi tín hiệu kỹ thuật của Top 15 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index, Top 10 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến HNX-Index và UpCom Index; cũng như của một số các cổ phiếu đầu cơ do Vietcap lựa chọn.

Để tải về báo cáo chi tiết, xin vui lòng nhấn vào [đây](#).

Điểm tin & Nhận định nhanh

Ngành ngân hàng – NHNN giảm tỷ lệ khấu trừ số dư tiền gửi có kỳ hạn của Kho bạc Nhà nước trong tính toán tỷ lệ LDR

* Ngày 30/07, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Quyết định số 1743, cho phép các tổ chức tín dụng giảm tỷ lệ khấu trừ đối với số dư tiền gửi có kỳ hạn của Kho bạc Nhà nước từ 80% xuống 50% trong tính toán tỷ lệ LDR (tức là tăng phần tiền gửi Kho bạc Nhà nước có kỳ hạn được tính vào LDR từ 20% lên 50%).

* Quyết định có hiệu lực từ ngày 01/08/2026 đến ngày 31/07/2028 (2 năm).

Quan điểm của chúng tôi:

* Tích cực đối với ngành. Điều này sẽ giúp giảm áp lực tuân thủ cho các ngân hàng và hỗ trợ môi trường lãi suất. Các ngân hàng quốc doanh bao gồm VCB, CTG và BID là những ngân hàng sẽ được hưởng lợi trực tiếp nhiều nhất.

* Theo các nguồn thông tin và ước tính của chúng tôi, số dư tiền gửi có kỳ hạn của Kho bạc Nhà nước vào cuối tháng 7 vào khoảng 700.000 tỷ đồng; việc điều chỉnh này (tương đương tăng thêm khoảng 200.000 tỷ đồng/7,6 tỷ USD) sẽ giúp giảm tỷ lệ LDR của ba ngân hàng quốc doanh, mỗi ngân hàng khoảng 1,8-2,4 điểm phần trăm.

ACV: LNST sau lợi ích CĐTS quý 2 tăng 29% YoY nhờ lãi tỷ giá và thu nhập từ công ty liên kết dù doanh thu hàng không hạ nhiệt; nhìn chung phù hợp với kỳ vọng - Báo cáo KQKD

* Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam (ACV) công bố doanh thu thuần quý 2/2026 đạt 6.3 nghìn tỷ đồng (đi ngang so với cùng kỳ; -8% QoQ) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 3.4 nghìn tỷ đồng (+29% YoY; đi ngang so với quý trước). Kết quả này đưa doanh thu thuần nửa đầu năm 2026 (6T 2026) lên mức 13.2 nghìn tỷ đồng (+4% YoY; đạt 48% dự báo năm 2026 của chúng tôi) và LNST sau lợi ích CĐTS lên mức 6.7 nghìn tỷ đồng (+17% YoY; đạt 53% dự báo năm 2026 của chúng tôi).

* KQKD 6T 2026 nhìn chung phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi. Tuy nhiên, chúng tôi đang xem xét lại dự báo lợi nhuận năm 2026, đặc biệt là thời điểm đi vào hoạt động của Sân bay Quốc tế Long Thành (LTH). Nếu sân bay này bắt đầu vận hành thương mại theo đúng kế hoạch vào cuối năm 2026, các chi phí vận hành và chi phí khấu hao ban đầu có thể tạo ra rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo hiện tại của chúng tôi, dù vẫn cần thêm đánh giá chi tiết.

* Lượng khách hàng không tiếp tục duy trì tích cực dù đã loại trừ Sân bay Phú Quốc (PQA) khỏi cơ sở vận hành năm 2026 của ACV sau khi bàn giao cho Sun Group. Tổng lượng khách quý 2/2026 đạt 28.8 triệu lượt (-5% YoY; -9% QoQ), bao gồm 11.3 triệu lượt khách quốc tế (+3% YoY) và 17.5 triệu lượt khách trong nước (-9% YoY). Trong 6T 2026, tổng lượng khách vẫn tăng nhẹ 1% YoY lên 60.5 triệu lượt, do lượng khách quốc tế tăng 2% YoY và lượng khách trong nước về cơ bản đi ngang. Điều này cho thấy đà tăng trưởng lưu lượng khách trên toàn bộ mạng lưới sân bay còn lại của ACV đã bù đắp nhiều hơn cho phần lưu lượng khách sụt giảm từ PQA.

* Biên lợi nhuận gộp quý 2/2026 cải thiện lên mức 64.2% (+2.4 điểm phần trăm YoY; +0.7 điểm phần trăm QoQ), khi giá vốn hàng bán giảm khoảng 7% YoY trong bối cảnh doanh thu gần như đi ngang. Mức cải thiện này chủ yếu phản ánh chi phí nhân sự thấp hơn, qua đó bù đắp nhiều hơn cho chi phí khấu hao tăng. Biên lợi nhuận gộp 6T 2026 đạt 63.9% (-1.2 điểm phần trăm YoY), cao hơn dự báo năm 2026 của chúng tôi là 58.5%.

* Doanh thu tài chính tăng 10% YoY và 93% QoQ lên 289 tỷ đồng trong quý 2/2026, đưa doanh thu tài chính 6T 2026 lên 440 tỷ đồng (-14% YoY; đạt 40% dự báo năm 2026 của chúng tôi). Trong khi đó, chi phí tài chính chuyển sang ghi nhận khoản lãi ròng 42 tỷ đồng trong quý 2/2026, so với khoản chi phí 739 tỷ đồng trong quý 2/2025, chủ yếu nhờ khoản hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính khoảng 60 tỷ đồng, cùng với biến động tỷ giá thuận lợi. Theo đó, LNTT báo cáo quý 2 tăng 29% YoY, trong khi LNTT không bao gồm lãi tỷ giá thuận gần như đi ngang so với cùng kỳ ở mức 3,9 nghìn tỷ đồng.

* Điều cần lưu ý:

- Sau khi chuyển nhượng Sân bay Phú Quốc (PQA) cho Sun Group, PQA đã được loại khỏi cơ sở vận hành của ACV trong năm 2026. Các dự báo của chúng tôi đã bao gồm tác động lợi nhuận thường xuyên của việc chuyển nhượng này, nhưng chưa bao gồm bất kỳ khoản lãi đến bù bất thường nào. ACV đã hoàn tất định giá tài sản và trình phương án đền bù lên các cơ quan có thẩm quyền; do các điều khoản cuối cùng vẫn đang chờ phê duyệt, chúng tôi sẽ cập nhật khoản lãi này khi có thông tin rõ ràng hơn về thời điểm và giá trị đền bù. Tính đến cuối năm 2025, giá trị sổ sách ròng của PQA là 762 tỷ đồng, so với nguyên giá là 3,2 nghìn tỷ đồng.

- Ngoài ra, sau khi bàn giao mảng an ninh hàng không cho Bộ Công an vào năm 2025, ACV đã trình bày doanh thu và lợi nhuận từ mảng này dưới một khoản mục riêng biệt trong báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 và báo cáo tài chính năm 2026. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

AST: LNST sau lợi ích CĐTS 6T tăng 52% YoY nhờ hoạt động kinh doanh cốt lõi tích cực và đóng góp từ công ty liên kết; vượt mức kỳ vọng - Báo cáo KQKD

* CTCP Dịch vụ Hàng không Taseco (AST) công bố KQKD quý 2/2026 với doanh thu đạt 479 tỷ đồng (+22% YoY; -14% QoQ) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 77 tỷ đồng (+23% YoY; -24% QoQ). Kết quả này đưa doanh thu nửa đầu năm 2026 (6T 2026) lên mức 1,0 nghìn tỷ đồng (+33% YoY; tương đương 50% dự báo năm 2026 của chúng tôi) và LNST sau lợi ích CĐTS lên mức 178 tỷ đồng (+52% YoY; tương đương 67% dự báo năm 2026 của chúng tôi). Chúng tôi nhận thấy tiềm năng điều chỉnh tăng đối với dự báo lợi nhuận năm 2026 hiện tại, dù vẫn cần thêm đánh giá toàn diện hơn.

* Tăng trưởng doanh thu quý 2/2026 ghi nhận trên diện rộng ở hầu hết các mảng kinh doanh. Đặc biệt, doanh thu phòng chờ VIP tăng +67% YoY và +4% QoQ, hỗ trợ bởi AST bắt đầu khai thác chuỗi dịch vụ phi hàng không tại Nhà ga T3 Tân Sơn Nhất (SGN) từ năm 2025 và tiếp tục là động lực tăng trưởng chính. Trong khi đó, doanh thu nhà hàng/thức ăn nhanh và doanh thu cửa hàng miễn thuế đều tăng 15% YoY. Doanh thu bán lẻ bách hóa lưu niệm về cơ bản đi ngang so với cùng kỳ, trong khi doanh thu khách sạn và quảng cáo tăng nhẹ.

* Trong 6T 2026, doanh thu phòng chờ VIP tăng hơn gấp đôi so với cùng kỳ, trong khi doanh thu nhà hàng/thức ăn nhanh và doanh thu cửa hàng miễn thuế lần lượt tăng +34% YoY và +15% YoY. Các mảng dịch vụ có biên lợi nhuận cao hơn này chiếm tỷ trọng lớn hơn trong tăng trưởng doanh thu, qua đó hỗ trợ khả năng sinh lời hợp nhất của công ty.

* AST vận hành 141 điểm bán (POS) tại thời điểm cuối quý 2/2026, so với 142 POS tại thời điểm cuối quý 2/2025 và 138 POS tại thời điểm cuối quý 1/2026. Do số lượng cửa hàng gần như không thay đổi so với cùng kỳ, mức tăng trưởng doanh thu mạnh trong 6T 2026 chủ yếu phản ánh doanh thu trên từng cửa hàng được cải thiện, lượng hành khách tăng và cơ cấu kinh doanh thuận lợi hơn.

* Biên lợi nhuận gộp quý 2/2026 tiếp tục duy trì ở mức cao 63,8% (đi ngang so với cùng kỳ; -1,8 điểm % QoQ), qua đó đưa biên lợi nhuận gộp 6T 2026 lên mức 64,8% (+1,4 điểm % YoY), cao hơn dự báo năm 2026 của chúng tôi là 61,9%. Chúng tôi cho rằng mức biên lợi nhuận tích cực này đến từ cơ cấu khách quốc tế thuận lợi, đóng góp ngày càng tăng từ mô hình phòng chờ VIP có biên lợi nhuận cao và hiệu quả vận hành được cải thiện tại các điểm bán hiện hữu.

* Tỷ lệ chi phí SG&A/doanh thu nhìn chung ổn định ở mức 44,3% trong quý 2/2026 (+0,3 điểm % YoY; +2,7 điểm % QoQ). Theo đó, lợi nhuận từ HĐKD quý 2/2026 đạt 93 tỷ đồng (+20% YoY; -30% QoQ), với biên lợi nhuận từ HĐKD đạt 19,5% (-0,3 điểm % YoY; -4,6 điểm % QoQ). Trong 6T 2026, tỷ lệ SG&A/doanh thu duy trì ở mức 42,8%, không đổi so với cùng kỳ và chỉ cao hơn 0,1 điểm % so với dự báo năm 2026 của chúng tôi là 42,7%. Lợi nhuận từ HĐKD tăng lên 227 tỷ đồng (+41% YoY; tương đương 57% dự báo năm 2026 của chúng tôi), trong khi biên lợi nhuận từ HĐKD cải thiện lên mức 21,9% (+1,3 điểm % YoY), cao hơn dự báo năm 2026 của chúng tôi là 19,2%.

* Lợi nhuận từ công ty liên kết tiếp tục là nguồn đóng góp quan trọng đối với lợi nhuận, đạt 15 tỷ đồng trong quý 2/2026 (+3,2 lần YoY; +16% QoQ) và 28 tỷ đồng trong 6T 2026, tương đương khoảng 4,3 lần so với mức ghi nhận trong 6T 2025 và hoàn thành 94% dự báo năm 2026 của chúng tôi. Đóng góp tích cực này chủ yếu nhờ đà phục hồi của VINACS.

* Quan điểm của chúng tôi:

- Nhìn chung, KQKD quý 2 đã hạ nhiệt so với mức nền cao của quý 1 và chịu ảnh hưởng từ căng thẳng Trung Đông đối với ngành hàng không. Tuy nhiên, KQKD 6T 2026 vẫn vượt mức kỳ vọng của chúng tôi, chủ yếu nhờ biên lợi nhuận gộp và đóng góp từ công ty liên kết cao hơn dự kiến. Do đó, chúng tôi nhận thấy tiềm năng điều chỉnh tăng đối với dự báo lợi nhuận năm 2026 hiện tại, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

- Kế hoạch mở rộng diện tích sàn trong trung hạn của AST tiếp tục được hỗ trợ bởi các dự án mở rộng Nhà ga T2 Nội Bài và Sân bay Quốc tế Long Thành. Tuy nhiên, thời điểm và mức đóng góp lợi nhuận của các điểm bán mới sẽ phụ thuộc vào kết quả đấu thầu, tiến độ bàn giao mặt bằng và thời điểm đưa sân bay vào vận hành. Việc số lượng cửa hàng mở mới ròng trong 6T 2026 còn hạn chế cho thấy tăng trưởng lợi nhuận ngắn hạn cho đến nay chủ yếu được thúc đẩy bởi việc gia tăng doanh số và cải thiện hiệu quả hoạt động của các điểm bán hiện hữu, bao gồm cả các điểm bán tại Nhà ga T3 Tân Sơn Nhất. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

BID: NIM phục hồi trong quý 2 nhưng vẫn thấp hơn so với kỳ vọng của chúng tôi - Báo cáo KQKD

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BID) đã công bố KQKD 6T 2026 với thu nhập từ HĐKD (TOI) đạt 44,3 nghìn tỷ đồng (+10,9% YoY) và LNTT đạt 18,9 nghìn tỷ đồng (+17,9% YoY), lần lượt hoàn thành 42% và 44% dự báo cả năm 2026 của chúng tôi. LNTT quý 2/2026 đạt 10,3 nghìn tỷ đồng (+20,5% QoQ; +19,8% YoY). Nhìn chung, KQKD của ngân hàng thấp hơn đôi chút so với kỳ vọng của chúng tôi do NIM thấp hơn dự báo. Chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm nhẹ đối với các dự báo lợi nhuận hiện tại, dù vẫn cần thêm đánh giá chi tiết.

* Tăng trưởng tín dụng nửa đầu năm (6T 2026) đạt 5,5%, thấp hơn mức tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống là 8,5% nhưng phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi. Các lĩnh vực đóng góp chính cho tăng trưởng tín dụng trong 6T 2026 bao gồm dịch vụ (+20,4% so với đầu năm) và công nghiệp chế biến, chế tạo (+13,2% so với đầu năm). Trong khi đó, bán buôn & bán lẻ tiếp tục là yếu tố kéo giảm tăng trưởng (-4,3% so với đầu năm).

* Tiền gửi khách hàng trong 6T 2026 tăng 1,7%, tiếp tục thấp hơn tăng trưởng tín dụng. Tỷ lệ CASA quý 2/2026 là 20,8% (+0,6 điểm % QoQ; +0,2 điểm % YoY).

* Thu nhập lãi thuần (NII) 6T 2026 của BID tăng 15,9% YoY, chủ yếu nhờ tăng trưởng tín dụng trong khi NIM về cơ bản đi ngang. NIM 6T 2026 đạt 2,02% (-2 điểm cơ bản YoY) so với dự báo cả năm của chúng tôi là 2,25%.

* So với quý trước, NIM đã phục hồi lên mức 2,12% (+22 điểm cơ bản QoQ; +4 điểm cơ bản YoY), nhờ lợi suất tài sản sinh lãi cải thiện (+72 điểm cơ bản QoQ; +71 điểm cơ bản YoY), được bù đắp một phần bởi chi phí vốn (COF) tăng (+54 điểm cơ bản QoQ; +71 điểm cơ bản YoY).

* Về chất lượng tài sản, tỷ lệ nợ xấu tăng nhẹ lên mức 1,83% trong quý 2/2026 (+7 điểm cơ bản QoQ; -15 điểm cơ bản YoY) so với dự báo cuối năm 2026 của chúng tôi là 1,47%. Tỷ lệ nợ nhóm 2 giảm QoQ xuống mức 1,22% trong quý 2/2026 (-11 điểm cơ bản QoQ; -32 điểm cơ bản YoY). BID đã xử lý rủi ro 11,6 nghìn tỷ đồng nợ xấu trong 6T 2026, tương đương với tỷ lệ trên dư nợ quý năm là 0,95%.

* Chi phí tín dụng quy năm trong 6T 2026 đạt 0,93% so với 1,01% trong 6T 2025. Ngoài ra, tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) quý 2/2026 của BID đã giảm xuống 76%, so với 87% trong quý trước.

* Thu nhập ngoài lãi (NOII) 6T 2026 đạt 10,8 nghìn tỷ đồng (-2,3% YoY), hoàn thành 39% dự báo cả năm của chúng tôi. Lãi kinh doanh chứng khoán giảm 89% YoY xuống 114 tỷ đồng là yếu tố kéo giảm chính. Bên cạnh đó, lãi kinh doanh ngoại hối giảm 18,2% YoY. Trong khi đó, thu nhập khác thuần tăng 19,5% YoY lên 4,9 nghìn tỷ đồng, nhiều khả năng nhờ thu hồi nợ xấu đã xử lý rủi ro cải thiện. Thu nhập phi thuần (NFI) cũng tăng trưởng khá ở mức 4,6%.

* Tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) 6T 2026 giảm 1,4 điểm % YoY xuống mức 31,8% so với dự báo cả năm của chúng tôi là 31,4%, do TOI tăng 10,9% YoY, cao hơn mức tăng 6,3% YoY của chi phí HĐKD (OPEX). [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

DPG: LNST sau lợi ích CĐTS 6T 2026 hoàn thành 49% dự báo cả năm, nhìn chung phù hợp kỳ vọng - Báo cáo KQKD

* Nhìn chung, chúng tôi nhận thấy không có sự thay đổi đáng kể đối với dự báo lợi nhuận năm 2026 của chúng tôi, do LNST sau lợi ích CĐTS nửa đầu năm (6T) đã hoàn thành 49% dự báo năm 2026 của chúng tôi. Chúng tôi kỳ vọng doanh thu từ mảng xây dựng và BĐS sẽ tăng mạnh hơn trong nửa cuối năm 2026, qua đó có thể bù đắp cho rủi ro doanh thu thấp hơn dự kiến từ dự án Casamia Balanca (nếu có).

* DPG đã công bố KQKD 6T 2026 với doanh thu thuần đạt 2,4 nghìn tỷ đồng (+41% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đạt 181 tỷ đồng (+31% YoY), lần lượt hoàn thành 30% và 49% dự báo cả năm của chúng tôi. Doanh thu tăng mạnh chủ yếu nhờ: (1) doanh thu mảng xây dựng tăng 51% YoY, qua đó lấn át (2) mức giảm 12% YoY của doanh thu mảng năng lượng. Chúng tôi cho rằng nguyên nhân tỷ lệ hoàn thành doanh thu thấp là do: (1) mảng xây dựng thường ghi nhận doanh thu thấp trong 6T; và (2) chúng tôi kỳ vọng doanh thu từ dự án Casamia Balanca sẽ được ghi nhận trong nửa cuối năm nay.

* LNST sau lợi ích CĐTS tăng trưởng nhờ: (1) doanh thu mảng xây dựng tăng mạnh; (2) chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp giảm 28% YoY; (3) thu nhập tài chính tăng 2,2 lần YoY; và (4) lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết đạt 15 tỷ đồng. Các yếu tố này lấn át (5) biên lợi nhuận gộp mảng xây dựng giảm YoY xuống còn 6,5%, so với 7,5% trong 6T 2025. Tuy nhiên, mức biên lợi nhuận này vẫn phù hợp với dự báo cả năm 2026 của chúng tôi là 6,3%.

* KQKD quý 2/2026: Doanh thu thuần đạt 1,9 nghìn tỷ đồng (+63% YoY), trong khi LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đạt 111 tỷ đồng (+54% YoY). Mức tăng mạnh của LNST sau lợi ích CĐTS cũng được hỗ trợ bởi KQKD tích cực của mảng xây dựng và lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết.

* Dự án nhà máy kính hoa siêu trắng phục vụ sản xuất pin năng lượng mặt trời đang được triển khai nhanh chóng. Chi phí XDCB dở dang của dự án đạt 1,2 nghìn tỷ đồng tại cuối quý 2/2026, tăng 71% so với mức 695 tỷ đồng tại cuối quý 1/2026. Công ty đặt mục tiêu hoàn thành phần xây dựng và lắp đặt thiết bị vào tháng 9/2026. Nhà máy dự kiến được chạy thử và bắt đầu vận hành vào tháng 10/2026. DPG đặt mục tiêu ghi nhận lỗ ròng 39 tỷ đồng từ dự án trong năm 2026 và chuyển sang có lãi trong năm 2027. Hiện chúng tôi dự báo dự án sẽ ghi nhận 18 tỷ đồng LNST trong năm 2027.

[Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

DXG: LNST sau lợi ích CĐTS 6T 2026 giảm 30% YoY do biên lợi nhuận thu hẹp - Báo cáo KQKD

* CTCP Bluemarq Group (DXG) báo cáo doanh thu thuần quý 2/2026 đạt 788 tỷ đồng (+7% YoY, +42% QoQ) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 53 tỷ đồng (-35% YoY, +40% QoQ). Doanh thu được hỗ trợ bởi đóng góp từ mảng dịch vụ bất động sản và hoạt động bàn giao dự án ở khu vực Miền Trung và Miền Tây, trong khi lợi nhuận giảm mạnh so với cùng kỳ do chi phí bán hàng & quản lý doanh nghiệp (SG&A) tăng đáng kể.

* Trong 6T 2026, LNST sau lợi ích CĐTS đạt 91 tỷ đồng (-30% YoY), hoàn thành 38% dự báo cả năm của chúng tôi. Chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 hiện tại, dù cần thêm đánh giá toàn diện hơn.

* Mảng phát triển bất động sản: Doanh thu mảng trong 6T 2026 - chủ yếu đến từ các dự án nhà ở do DXS tự phát triển và hoạt động bàn giao tại Gem Sky World - tăng 35% YoY đạt 1,0 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 54% dự báo cả năm của chúng tôi. Tuy nhiên, biên lợi nhuận gộp của mảng này giảm 18 điểm % YoY xuống mức 45%.

* Mảng môi giới bất động sản: Để biết thêm thông tin chi tiết về mảng môi giới bất động sản của DXG, vui lòng tham khảo Báo cáo KQKD của DXS ngày 30/07 của chúng tôi.

* Dự án 'The Privé' (4,3 ha; TP.HCM; tổng cộng khoảng 3.200 căn hộ): Khoảng 50% tổng số căn hộ đã được mở bán tính đến cuối quý 2/2026, bao gồm các Block 5-8 thuộc Giai đoạn 1 và các Block 10-11. Hiện công ty đang tiếp tục mở bán Block 9. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

GAS: LNST cốt lõi quý 2 tăng 59% YoY, tiềm năng điều chỉnh tăng nhẹ với dự báo cốt lõi - Báo cáo KQKD

* Chúng tôi nhận thấy khả năng điều chỉnh tăng đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo năm 202F của chúng tôi (13 nghìn tỷ đồng, +14% YoY) do (1) khả năng điều chỉnh tăng nhẹ đối với LNST cốt lõi (doanh thu và biên lợi nhuận mảng LPG cao hơn dự kiến, lợi nhuận gộp mảng LPG trong 6 tháng đầu năm hoàn thành 82% dự báo cả năm 2026 của chúng tôi), và (2) hoàn nhập dự phòng cao hơn dự kiến (so với dự báo không ghi nhận của chúng tôi), dù vẫn cần thêm đánh giá chi tiết.

* Chúng tôi hiện có khuyến nghị MUA đối với Tổng Công ty Khí Việt Nam (GAS) với giá mục tiêu là 90.000 đồng/cổ phiếu.

* KQKD 6T 2026: doanh thu đạt 81,3 nghìn tỷ đồng (+46% YoY, khoảng 70% dự báo năm 2026 của chúng tôi); LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi đạt 8,4 nghìn tỷ đồng (+36% YoY, khoảng 65% dự báo năm 2026 của chúng tôi); và LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đạt 11,2 nghìn tỷ đồng (+17% YoY, khoảng 68% dự báo năm 2026 của chúng tôi);

+ Doanh thu tăng trưởng: doanh thu khí tự nhiên +94% YoY (sản lượng khí bán trong nước +7% YoY, giá dầu nhiên liệu (FO) +24% YoY, và hoạt động kinh doanh LNG quốc tế có thể tăng so với cùng kỳ trước thời điểm xung đột), qua đó bù đắp cho mảng LPG; doanh thu LPG +5% YoY

+ Khí tự nhiên: Doanh thu +94% YoY, ~75% dự báo năm 2026, nhiều khả năng nhờ hoạt động kinh doanh LNG quốc tế cao hơn dự kiến. Lợi nhuận gộp 6 tháng đầu năm +56% YoY, ~59% dự báo năm 2026 của chúng tôi, nhìn chung phù hợp với dự báo.

+ Mảng LPG ghi nhận kết quả cao hơn dự kiến với doanh thu 6 tháng đầu năm hoàn thành 70% dự báo năm 2026 của chúng tôi, nhiều khả năng nhờ sản lượng cao hơn dự kiến; lợi nhuận gộp 6 tháng đầu năm hoàn thành 82% dự báo năm 2026 khi biên lợi nhuận gộp đạt 7,2% (cao hơn 1,1 điểm % so với dự báo cả năm của chúng tôi, nhiều khả năng do biên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh quốc tế cao hơn).

+ LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi tăng chủ yếu nhờ lợi nhuận gộp +36% YoY, được thúc đẩy bởi (1) lợi nhuận gộp mảng khí tự nhiên +56% YoY (sản lượng và giá bán trung bình tăng), trong khi lợi nhuận gộp mảng LPG tăng nhẹ +2% YoY

+ LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo tăng chậm hơn so với lợi nhuận cốt lõi do hoàn nhập dự phòng thấp hơn so với cùng kỳ, ở mức 510 tỷ đồng trong 6T 2026 so với 1,6 nghìn tỷ đồng trong 6T 2025.

* KQKD quý 2/2026: doanh thu đạt 43,2 nghìn tỷ đồng (+44% YoY); LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi đạt 5,5 nghìn tỷ đồng (+59% YoY); và LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đạt 5,9 nghìn tỷ đồng (+23% YoY).

+ Doanh thu tăng trưởng được thúc đẩy bởi (1) mảng khí tự nhiên tăng gấp 2 lần YoY (chủ yếu nhờ sản lượng +10% YoY và giá FO +47% YoY), (2) mảng vận chuyển +23% YoY (nhờ sản lượng và cước phí LNG cao hơn); các yếu tố này bù đắp cho doanh thu LPG -4% YoY.

+ LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi +59% YoY, tương đương mức tăng của lợi nhuận gộp, được thúc đẩy bởi (1) lợi nhuận gộp mảng khí tự nhiên +80% YoY (sản lượng và giá FO tăng), và (2) lợi nhuận gộp mảng LPG +20% YoY (cho thấy biên lợi nhuận cải thiện trong bối cảnh doanh thu -4% YoY)

+ LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo tăng chậm hơn lợi nhuận cốt lõi do hoàn nhập dự phòng thấp hơn so với cùng kỳ, ở mức 508 tỷ đồng trong quý 2/2026 so với 1,6 nghìn tỷ đồng trong quý 2/2025. Khoản hoàn nhập dự phòng quý 2/2026 liên quan đến các khoản phải thu từ các nhà máy điện Phú Mỹ thuộc PGV (Genco 3). [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

HDB: Tăng trưởng lợi nhuận mạnh nhờ đóng góp của các công ty con; chất lượng tài sản là điểm cần theo dõi - Báo cáo KQKD

Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDB) đã ghi nhận tổng thu nhập hoạt động (TOI) hợp nhất 6T 2026 đạt 22,7 nghìn tỷ đồng (863 triệu USD; +9% YoY) và LNTT đạt 13,2 nghìn tỷ đồng (501 triệu USD; +31% YoY), cao hơn nhẹ so với dự báo của chúng tôi. Tăng trưởng lợi nhuận tăng tốc trong quý 2, với LNTT đạt 7,1 nghìn tỷ đồng (+51% YoY; +16% QoQ), nhờ tăng trưởng tín dụng mạnh, NIM cải thiện, chi phí dự phòng giảm và đóng góp cao hơn từ các công ty con. Tuy nhiên, chất lượng tài sản vẫn là yếu tố cần theo dõi chính để đánh giá tính bền vững của tăng trưởng lợi nhuận.

* Tăng trưởng tín dụng tiếp tục duy trì ở mức cao trong 6T 2026, trong đó tín dụng tại ngân hàng mẹ tăng 18%, cao hơn đáng kể so với mức tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống là 8,5%. Tăng trưởng diễn ra trên diện rộng, dẫn dắt bởi cho vay liên quan đến hộ gia đình (+21%), lĩnh vực bán buôn và bán lẻ (+14%), xây dựng (+24%) và BĐS (+12%). Dư nợ trái phiếu doanh nghiệp tăng 14% trong cùng kỳ và chiếm khoảng 3% tổng tín dụng.

* Tăng trưởng nguồn vốn nhìn chung theo kịp tăng trưởng cho vay, qua đó duy trì thanh khoản dồi dào. Tiền gửi hợp nhất tăng 20,2%, trong khi giấy tờ có giá tăng 24%. Tỷ lệ CASA nhích tăng 0,7 điểm % QoQ, lên 11,1%, nhưng vẫn tương đối thấp so với các ngân hàng cùng ngành, cho thấy chi phí vốn tiếp tục chịu áp lực. Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) trong quý 2/2026 đạt trên 14%, thuộc топ đầu ngành, trong khi tỷ lệ cho vay/huy động (LDR) đạt 72% (+3 điểm % QoQ), thấp hơn đáng kể so với mức trần quy định là 85% và vẫn ở mức thấp so với các ngân hàng cùng ngành. Cả NSFR và LCR theo Basel III đều đạt trên 100%.

* NIM cải thiện QoQ. NIM quý 2/2026 tăng 32 điểm cơ bản QoQ, chúng tôi cho rằng chủ yếu nhờ tác động tích cực từ việc tái định giá lợi suất tài sản, đóng góp cao hơn từ cho vay trung dài hạn và mảng bán lẻ – đặc biệt là cho vay hộ kinh doanh – cũng như việc tiếp tục tối ưu hóa LDR. Ngoài ra, các hoạt động trái phiếu doanh nghiệp tích cực hơn cũng hỗ trợ thu nhập lãi từ đầu tư nợ tăng 76% YoY.

* Các công ty con đóng góp đáng kể vào lợi nhuận. Chúng tôi ước tính tổng lợi nhuận đóng góp từ các công ty con đạt khoảng 2,3 nghìn tỷ đồng, tương đương khoảng 17% lợi nhuận hợp nhất trong 6T 2026. Đây là quý đầu tiên HDB hợp nhất KQKD của CTCP Chứng khoán HD, trong đó công ty con này ghi nhận LNTT đạt 1,5 nghìn tỷ đồng (+286% YoY) và ROE đạt 28%. Trong khi đó, HD SAISON ghi nhận LNTT hơn 804 tỷ đồng, với ROE đạt 22%. Chúng tôi ước tính dư nợ của HD SAISON đã tăng gần 7% trong 6T 2026, trong khi tỷ lệ nợ xấu đạt 7,1% (nhìn chung ổn định QoQ và YoY).

* Khả năng sinh lời tiếp tục thuộc nhóm cao nhất ngành, với ROE đạt 25% và ROA đạt 2,2%. CIR giảm xuống còn 24,9%, nhờ đẩy mạnh số hóa và nâng cao hiệu quả hoạt động. Các kênh số hiện chiếm trên 94% số lượng giao dịch bán lẻ và đóng góp hơn 60% số khách hàng mới.

* Chất lượng tài sản suy giảm QoQ. Tỷ lệ nợ xấu hợp nhất nhích tăng, trong khi nợ nhóm 2 tăng đáng kể trong quý 2. Cụ thể, tỷ lệ nợ xấu hợp nhất đạt 2,79% (+25 điểm cơ bản YoY; +19 điểm cơ bản QoQ), trong khi tỷ lệ nợ nhóm 2 tăng lên 4,70% (+76 điểm cơ bản YoY; +212 điểm cơ bản QoQ). Tỷ lệ bao phủ nợ xấu hợp nhất đạt 50,0% (+2,8 điểm % YoY; đi ngang QoQ).

* Chi phí dự phòng thấp hơn cũng là một động lực quan trọng hỗ trợ lợi nhuận, khi chi phí dự phòng hợp nhất giảm 30% YoY và thấp hơn tiến độ dự báo của chúng tôi. Tuy nhiên, nợ nhóm 2 gia tăng có thể khiến nhu cầu trích lập dự phòng tăng trong nửa cuối năm 2026. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

HDG: LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo giảm YoY do các chi phí bất thường; dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 đối mặt với rủi ro giảm nhẹ - Báo cáo KQKD

Chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo năm 2026 của chúng tôi (561 tỷ đồng, -20% YoY) chủ yếu do khoản lỗ khác ròng có thể cao hơn dự kiến (sau khi HDG ghi nhận 43 tỷ đồng trong quý 2). Hiện chúng tôi có khuyến nghị MUA đối với HDG, với giá mục tiêu là 28.700 đồng/cổ phiếu.

KQKD 6T 2026: Doanh thu đạt 1.170 tỷ đồng (-1% YoY, hoàn thành khoảng 42% dự báo năm 2026 của chúng tôi); LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi đạt 334 tỷ đồng (+18% YoY, hoàn thành khoảng 41% dự báo năm 2026); và LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đạt 100 tỷ đồng (-27% YoY, hoàn thành khoảng 18% dự báo năm 2026).

+ Lợi nhuận gộp tăng 11% YoY, chủ yếu nhờ: (1) mảng BĐS ghi nhận lợi nhuận gộp 61 tỷ đồng (so với mức lỗ 52 tỷ đồng trong 6T 2025 do phải ghi nhận các khoản chi phí bất thường); và (2) lợi nhuận gộp mảng cho thuê văn phòng đạt 105 tỷ đồng (+91% YoY do không còn các chi phí bất thường như trong 6T 2025). Các yếu tố này lấn át: (3) lợi nhuận gộp mảng năng lượng giảm 12% YoY, chủ yếu do sản lượng thủy điện thấp hơn trong điều kiện El Niño.

+ LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo giảm 27% YoY, trái ngược với mức tăng 18% YoY của lợi nhuận cốt lõi (do được hỗ trợ bởi mức tăng 11% YoY của lợi nhuận gộp), chủ yếu do sự gia tăng của chi phí dự phòng (243 tỷ đồng, so với khoảng 50 tỷ đồng trong 6T 2025), cùng với việc phải ghi nhận các khoản lỗ khác ròng.

Chúng tôi ước tính HDG đã trích lập tổng cộng 243 tỷ đồng dự phòng trong 6T 2026, bao gồm 193 tỷ đồng cho dự án điện mặt trời Infra 1 trong quý 1 và khoảng 50 tỷ đồng cho dự án điện mặt trời Hồng Phong 4 trong 6T (tương đương 25 tỷ đồng mỗi quý). Trong 6T 2025, HDG đã trích lập khoảng 50 tỷ đồng dự phòng cho Hồng Phong 4. Trong Báo cáo Cập nhật gần nhất về HDG, chúng tôi dự báo công ty sẽ trích lập 193 tỷ đồng cho Infra 1 và khoảng 100 tỷ đồng cho Hồng Phong 4 trong năm 2026.

KQKD quý 2/2026: Doanh thu đạt 486 tỷ đồng (-17% YoY), LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi đạt 104 tỷ đồng (+10% YoY), trong khi LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đạt 50 tỷ đồng, đảo chiều từ mức lỗ 19 tỷ đồng trong quý 2/2025.

+ Doanh thu giảm do doanh thu mảng năng lượng giảm 18% YoY, chủ yếu vì KQKD thủy điện kém tích cực.

+ Tổng lợi nhuận gộp tăng 12% YoY, nhờ: (1) lợi nhuận gộp mảng cho thuê văn phòng đạt 55 tỷ đồng, so với mức hòa vốn trong quý 2/2025 do các chi phí bất thường; và (2) lợi nhuận gộp mảng BĐS đạt 18 tỷ đồng. Hai yếu tố này lấn át: (3) lợi nhuận gộp mảng năng lượng giảm 25% YoY (do sản lượng thủy điện giảm).

+ LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi tăng 10% YoY, nhờ lợi nhuận gộp tăng 12% YoY và không còn ghi nhận lỗ tỷ giá tại dự án điện gió 7A.

+ LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo thấp hơn lợi nhuận cốt lõi về giá trị tuyệt đối, chủ yếu do: (1) khoản lỗ khác 43 tỷ đồng, liên quan đến chi phí tại một dự án BĐS nhà ở đã sẵn sàng mở bán mà HDG mua lại; và (2) khoản trích lập dự phòng 25 tỷ đồng (theo ước tính của chúng tôi) cho điện mặt trời Hồng Phong 4. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

HPG: Lợi nhuận cốt lõi quý 2 tiếp tục tăng trưởng với biên lợi nhuận tiếp tục cải thiện; phù hợp với kỳ vọng - Báo cáo KQKD

CTCP Tập đoàn Hòa Phát (HPG) công bố KQKD quý 2/2026 như sau:

* Doanh thu thuần: 55,2 nghìn tỷ đồng (+4% QoQ, +54% YoY).

* LNST sau lợi ích CĐTS: 6,4 nghìn tỷ đồng (-29% QoQ, +50% YoY).

* LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi: 6,4 nghìn tỷ đồng (+28% QoQ, +50% YoY).

* Sản lượng bán các sản phẩm thép chủ lực:

- Thép xây dựng: khoảng 1,3 triệu tấn (-9% QoQ; +2% YoY).

- HRC: khoảng 1,93 triệu tấn (+31% QoQ; +64% YoY; đạt mức cao kỷ lục theo quý mới).

KQKD 6T 2026:

* Doanh thu thuần: 108,1 nghìn tỷ đồng (+47% YoY; đạt 52% dự báo năm 2026 của chúng tôi).

* LNST sau lợi ích CĐTS: 15,4 nghìn tỷ đồng (+102% YoY; đạt 59% dự báo năm 2026 của chúng tôi).

* LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi: 11,4 nghìn tỷ đồng (+49% YoY; đạt 52% dự báo năm 2026 của chúng tôi).

* Sản lượng bán các sản phẩm thép chủ lực:

- Thép xây dựng: khoảng 2,74 triệu tấn (+11% YoY; đạt 49% dự báo năm 2026 của chúng tôi).

- HRC: khoảng 3,4 triệu tấn (+57% YoY; đạt 51% dự báo năm 2026 của chúng tôi). [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

HVN: Quý 2 ghi nhận lỗ do cú sốc chi phí nhiên liệu dù doanh thu tăng trưởng mạnh; rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo - Báo cáo KQKD

* Tổng Công ty Hàng không Việt Nam (HVN) công bố doanh thu quý 2/2026 đạt 38,4 nghìn tỷ đồng (+37% YoY; +4% QoQ) nhưng ghi nhận khoản lỗ LNST sau lợi ích CĐTS 735 tỷ đồng, so với mức lãi 2,8 nghìn tỷ đồng trong quý 2/2025 và 4,3 nghìn tỷ đồng trong quý 1/2026. Kết quả này đưa doanh thu nửa đầu năm 2026 (6T 2026) lên mức 75,3 nghìn tỷ đồng (+28% YoY; đạt 65% dự báo năm 2026 của chúng tôi) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 3,6 nghìn tỷ đồng (-43% YoY; đạt 40% dự báo năm 2026 của chúng tôi). Chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo lợi nhuận năm 2026 hiện tại, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

* Kết quả hoạt động của VNA:

- Doanh thu công ty mẹ đạt 27,2 nghìn tỷ đồng trong quý 2/2026 (+19% YoY; -7% QoQ), bao gồm doanh thu vận tải đạt 26,9 nghìn tỷ đồng (+20% YoY; -7% QoQ). Kết quả này đưa doanh thu công ty mẹ trong 6T 2026 lên mức 56,3 nghìn tỷ đồng (+19% YoY; đạt 63% dự báo năm 2026 của chúng tôi).

- Doanh thu vận tải quốc tế tăng 37% YoY trong quý 2/2026, nhờ tiếp tục mở rộng mạng lưới đường bay quốc tế, trong khi doanh thu vận tải nội địa giảm 6% YoY. Trong 6T 2026, Vietnam Airlines đã thực hiện hơn 80.000 chuyến bay và vận chuyển hơn 13 triệu lượt hành khách (+4% YoY), bao gồm gần 4,8 triệu lượt khách quốc tế (+19% YoY).

- Doanh thu phụ trợ tiếp tục ở mức thấp, đạt 248 tỷ đồng trong quý 2/2026 (-32% YoY; -2% QoQ), đưa doanh thu phụ trợ 6T 2026 lên mức 500 tỷ đồng (-22% YoY; đạt 38% dự báo năm 2026 của chúng tôi).

* Doanh thu của các công ty con tăng mạnh lên 11,2 nghìn tỷ đồng trong quý 2/2026 (+112% YoY; +42% QoQ), chủ yếu do doanh thu bán hàng tăng khoảng 150% YoY lên 9,4 nghìn tỷ đồng. Kết quả này chủ yếu được dẫn dắt bởi SKYPEC, với đà tăng trưởng đến từ cả sản lượng bán và giá bán gia tăng.

* Biên lợi nhuận gộp quý 2/2026 giảm xuống 4,4% (-13,2 điểm phần trăm YoY; -15,4 điểm phần trăm QoQ). Trong quý, tổng chi phí của công ty mẹ tăng khoảng 42% YoY, tăng nhanh hơn đáng kể so với mức tăng 20% của tổng doanh thu và thu nhập khác. Trong đó, chi phí nhiên liệu tăng khoảng 125% YoY, làm phát sinh thêm gần 6,0 nghìn tỷ đồng chi phí trong bối cảnh giá nhiên liệu bay tăng mạnh do tác động từ căng thẳng tại Trung Đông. Theo ban lãnh đạo, tác động này đã được bù đắp một phần nhờ khoản tiền bồi thường từ Pratt & Whitney, vốn được ghi nhận dưới dạng giảm giá vốn hàng bán trong quý 2/2026.

* Quan điểm của chúng tôi: KQKD 6T 2026 thấp hơn kỳ vọng của chúng tôi. Mặc dù lưu lượng hành khách tích cực, doanh thu quốc tế ghi nhận tăng trưởng và các công ty con có đóng góp đáng kể, những yếu tố này không đủ bù đắp cho cú sốc chi phí nhiên liệu tăng mạnh. Dù HVN đã phản ứng bằng cách điều chỉnh tài cung ứng, ưu tiên các thị trường quốc tế và quản lý chi phí, mức độ dự báo lợi nhuận vẫn phụ thuộc phần lớn vào giá nhiên liệu bay và tốc độ chuyển giao chi phí gia tăng này sang giá vé. Do đó, chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo lợi nhuận năm 2026 hiện tại, dù cần thêm đánh giá chi tiết. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

KBC: Lợi nhuận 6T 2026 giảm mạnh 80% YoY chủ yếu do lượng đất KCN bàn giao thấp và chi phí tài chính ở mức cao - Báo cáo KQKD

* Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc (KBC) báo cáo doanh thu thuần quý 2/2026 đạt 589 tỷ đồng (+16% YoY, -56% QoQ) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 16 tỷ đồng (-96% YoY, -93% QoQ). Chúng tôi cho rằng mức sụt giảm lợi nhuận đáng kể chủ yếu đến từ hoạt động bàn giao đất KCN hạn chế trong quý và chi phí tài chính cao so với cùng kỳ.

* Trong 6T 2026, KBC ghi nhận doanh thu thuần đạt 1,9 nghìn tỷ đồng (-46% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 240 tỷ đồng (-80% YoY), lần lượt hoàn thành 23% và 10% dự báo cả năm của chúng tôi. Chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 (2,4 nghìn tỷ đồng; +38% YoY), dù cần thêm đánh giá toàn diện hơn.

* Mảng KCN: KBC đã bàn giao ~20 ha đất KCN trong 6T 2026, chủ yếu tại KCN Nam Sơn Hạp Lĩnh, KCN Quế Võ 2 mở rộng, các cụm công nghiệp tại Hưng Yên và KCN Tân Phú Trung. Theo công ty, các hợp đồng cho thuê đất đã ký được lên tới hơn 170 ha hiện chưa bàn giao do đang trong quá trình đền bù, dự tính cuối năm sẽ bàn giao tối thiểu 100 ha. Chúng tôi ước tính doanh số cho thuê đất KCN mới trong quý 2/2026 ở mức khoảng 10 ha, so với mức khoảng 30 ha trong quý 1/2026.

* Mảng KĐT/BDS nhà ở: Doanh thu của mảng trong 6T 2026 chủ yếu được thúc đẩy bởi hoạt động bàn giao nhà ở xã hội. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

OIL: LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo 6T 2026 tăng 84% YoY dù ghi nhận lỗ trong quý 2, kết quả nhìn chung cao hơn nhẹ so với kỳ vọng - Báo cáo KQKD

* Chúng tôi nhận thấy khả năng điều chỉnh tăng nhẹ đối với dự báo lợi nhuận năm 2026 của chúng tôi. Doanh thu và LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo trong nửa đầu năm (6T) lần lượt hoàn thành 113% và 64% dự báo năm 2026 của chúng tôi. KQKD 6T cao hơn kỳ vọng chủ yếu nhờ sản lượng bán trong nước vượt dự báo và biên lợi nhuận cải thiện mạnh hơn dự kiến trong quý 1, khi lượng hàng tồn kho được tích lũy ở mặt bằng giá dầu thấp được bán ra trong giai đoạn giá tăng. Chúng tôi cũng lưu ý rằng OIL đã kết thúc quý 2/2026 với số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho là 232 tỷ đồng, mức cao nhất kể từ năm 2021, qua đó có thể tạo bộ đệm cho lợi nhuận trong nửa cuối năm.

* Trong 6T 2026, OIL ghi nhận doanh thu đạt 134,9 nghìn tỷ đồng (+86% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đạt 380 tỷ đồng (+84% YoY). Lợi nhuận 6T tăng mạnh chủ yếu nhờ: (1) sản lượng bán trong nước tăng 25% YoY, được hỗ trợ bởi việc tăng nhập khẩu và phân phối xăng dầu nhằm bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia; và (2) lợi nhuận từ hàng tồn kho được ghi nhận trong quý 1, khi lượng hàng tồn kho giá thấp mua vào cuối năm 2025 được bán ra trong giai đoạn giá dầu tăng mạnh. Các yếu tố tích cực này lấn át: (3) mức tăng 53% YoY của chi phí bán hàng; (4) mức tăng 52% YoY của chi phí quản lý doanh nghiệp; và (5) mức tăng hơn gấp đôi YoY của chi phí tài chính do nhu cầu vốn lưu động cao hơn.

* Trong quý 2/2026, OIL đã ghi nhận doanh thu đạt 90,0 nghìn tỷ đồng (+126% YoY), nhưng chuyển sang lỗ sau lợi ích CĐTS báo cáo ở mức 136 tỷ đồng. Lợi nhuận suy giảm chủ yếu do: (1) biên lợi nhuận gộp thu hẹp mạnh xuống còn 1,4%, so với 2,9% trong quý 2/2025, do giá dầu thế giới giảm sâu trong tháng 5-6 dẫn đến lỗ hàng tồn kho; (2) công ty trích lập 217 tỷ đồng dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong quý; (3) chi phí bán hàng tăng 35% YoY; và (4) chi phí tài chính tăng 2,4 lần YoY. Các yếu tố bất lợi này lấn át mức tăng 22% YoY của sản lượng bán trong nước. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

PC1: LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi 6T giảm nhẹ YoY; tuy nhiên sẽ không có sự thay đổi đáng kể đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 – Báo cáo KQKD

Chúng tôi nhận thấy không có sự thay đổi đáng kể đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 của chúng tôi (689 tỷ đồng, -34% YoY), dù vẫn cần thêm đánh giá chi tiết, do lợi nhuận mảng niken có thể cao hơn kỳ vọng, qua đó bù đắp KQKD mảng xây lắp điện và cột thép thấp hơn dự kiến. Ngoài ra, PC1 cũng thường ghi nhận lợi nhuận trong nửa cuối năm cao hơn so với nửa đầu năm (6T), do tính mùa vụ của các mảng xây lắp điện, cột thép và phát điện, cùng với phần doanh thu còn lại từ dự án Tháp Vàng.

Hiện chúng tôi có khuyến nghị KHẢ QUAN đối với PC1, với giá mục tiêu là 24.700 đồng/cổ phiếu.

KQKD 6T 2026: Doanh thu đạt 4,2 nghìn tỷ đồng (-12% YoY; hoàn thành khoảng 33% dự báo năm 2026 của chúng tôi), LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi đạt 236 tỷ đồng (-7% YoY; hoàn thành khoảng 35% dự báo năm 2026), trong khi LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đạt 333 tỷ đồng (+72% YoY; hoàn thành khoảng 48% dự báo năm 2026).

+ Doanh thu giảm do doanh thu mảng xây lắp điện và cột thép lần lượt giảm 25%/52% YoY, qua đó lần 2 mức tăng 22% YoY của doanh thu niken.

+ Lợi nhuận gộp giảm 3% YoY, chủ yếu do: (1) lợi nhuận gộp mảng xây lắp điện giảm 53% YoY, phản ánh doanh thu suy giảm và biên lợi nhuận gộp giảm xuống còn 5,0% (-2,9 điểm % YoY), thấp hơn dự báo năm 2026 của chúng tôi là 7,5%; và (2) lợi nhuận gộp mảng cột thép và phát điện lần lượt giảm 35%/8% YoY. Các yếu tố này lần 2: (3) lợi nhuận gộp mảng niken tăng 45% YoY, nhờ doanh thu và biên lợi nhuận cải thiện khi giá bán trung bình tăng; và (4) lợi nhuận gộp từ dự án BĐS Tháp Vàng tăng 15 lần YoY, so với mức không đáng kể trong 6T 2025.

+ LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi giảm 7% YoY, tương đồng với mức giảm của lợi nhuận gộp.

+ LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo tăng 72% YoY, trái ngược với diễn biến của lợi nhuận cốt lõi, chủ yếu nhờ: (1) khoản lãi thoái vốn tại CT2 trị giá 120 tỷ đồng; và (2) lỗ tỷ giá giảm mạnh xuống còn 6 tỷ đồng, so với 94 tỷ đồng trong 6T 2025.

+ Chúng tôi nhận thấy rủi ro giảm đối với dự báo lợi nhuận gộp mảng xây lắp điện, do biên lợi nhuận gộp có thể thấp hơn kỳ vọng. Biên lợi nhuận gộp 6T chỉ đạt 5,0%, thấp hơn dự báo năm 2026 của chúng tôi là 7,5%.

+ Chúng tôi nhận thấy dư địa tăng đối với dự báo lợi nhuận gộp mảng niken, do sản lượng bán có thể cao hơn kỳ vọng — hiện chúng tôi dự báo giảm 40% YoY — và biên lợi nhuận gộp có thể tích cực hơn dự kiến. Biên lợi nhuận gộp 6T đạt 55%, cao hơn dự báo năm 2026 của chúng tôi là 42%.

KQKD quý 2/2026: Doanh thu đạt 2 nghìn tỷ đồng (-31% YoY), LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi đạt 137 tỷ đồng (-22% YoY), trong khi LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đạt 152 tỷ đồng (+10% YoY). LNST trước lợi ích CĐTS thực tế đạt 235 tỷ đồng, cao hơn số liệu sơ bộ là 189 tỷ đồng.

+ Doanh thu giảm 31% YoY do: (1) doanh thu mảng xây lắp điện giảm 51% YoY; và (2) doanh thu cột thép giảm 65% YoY. Các yếu tố này lần 2: (3) doanh thu niken tăng 38% YoY, nhờ sản lượng bán tăng và giá bán trung bình tăng 13% YoY.

+ Lợi nhuận gộp giảm YoY, chủ yếu do: (1) lợi nhuận gộp mảng xây lắp điện giảm 72% YoY, phản ánh sự sụt giảm của doanh thu và việc biên lợi nhuận gộp giảm xuống còn 4,9% (-3,7 điểm % YoY); và (2) lợi nhuận gộp mảng cột thép giảm 60% YoY. Các yếu tố này lần 2: (3) mức tăng 75% YoY của lợi nhuận gộp mảng niken; và (4) mức tăng 16 lần YoY của lợi nhuận gộp từ dự án Tháp Vàng, (đạt 31 tỷ, so với mức gần như không đáng kể trong quý 2/2025).

+ LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi giảm 22% YoY, do lợi nhuận gộp giảm 8% YoY và lợi ích CĐTS tăng 3,7 lần YoY (phản ánh tỷ trọng đóng góp lợi nhuận cao hơn từ mảng niken).

+ LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo tăng 10% YoY, trái ngược với mức giảm của lợi nhuận cốt lõi, chủ yếu do lỗ tỷ giá giảm mạnh xuống còn 4 tỷ đồng, so với 54 tỷ đồng trong quý 2/2025. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

PHR: Thu nhập từ bồi thường đất thúc đẩy lợi nhuận 6T 2026 tăng mạnh 245% YoY, phù hợp với kỳ vọng - Báo cáo KQKD

* CTCP Cao su Phước Hòa (PHR) báo cáo doanh thu quý 2/2026 đạt 406 tỷ đồng (+10% YoY, -13% QoQ) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 364 tỷ đồng (+300% YoY, +30% QoQ). Chúng tôi cho rằng mức tăng trưởng lợi nhuận đáng kể so với cùng kỳ chủ yếu nhờ thu nhập từ bồi thường liên quan đến các dự án KCN VSIP III và Bắc Tân Uyên 1, cùng với lợi nhuận tích cực từ mảng cao su và gỗ.

* Trong 6T 2026, doanh thu tăng 29% YoY lên mức 875 tỷ đồng, trong khi LNST sau lợi ích CĐTS tăng mạnh 245% YoY lên mức 643 tỷ đồng, lần lượt hoàn thành 45% và 38% dự báo cả năm của chúng tôi. Chúng tôi nhận thấy không có thay đổi đáng kể đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 ở mức 1,7 nghìn tỷ đồng (+258% YoY), do chúng tôi tiếp tục kỳ vọng thu nhập bồi thường từ KCN VSIP III và Bắc Tân Uyên 1 sẽ là động lực thúc đẩy lợi nhuận chính trong nửa cuối năm 2026, dù vẫn cần thêm đánh giá chi tiết.

* Mảng cao su và gỗ: Lợi nhuận gộp trong 6T 2026 của mảng tăng 53% YoY lên mức 226 tỷ đồng, hoàn thành 50% dự báo cả năm của chúng tôi. Biên lợi nhuận gộp cải thiện lên mức 27,1%, so với dự báo cả năm của chúng tôi là 24,9%.

* Thu nhập tài chính, thu nhập thuần từ công ty liên kết và thu nhập khác thuần đạt tổng cộng 624 tỷ đồng (gấp 5,4 lần YoY) trong 6T 2026, hoàn thành 33% dự báo của chúng tôi. Trong đó, thu nhập bồi thường từ KCN VSIP III và KCN Bắc Tân Uyên 1 đóng góp lần lượt 323 tỷ đồng và 172 tỷ đồng. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

PLX: LNST sau lợi ích CĐTS 6T tăng 36% YoY nhờ hoàn nhập dự phòng và sản lượng bán tăng; kết quả nhìn chung cao hơn nhẹ so với kỳ vọng - Báo cáo KQKD

* Chúng tôi nhận thấy khả năng điều chỉnh tăng nhẹ đối với dự báo lợi nhuận năm 2026 của chúng tôi, dù vẫn cần thêm đánh giá chi tiết. Doanh thu và LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo 6T 2026 lần lượt hoàn thành 82% và 64% dự báo cả năm của chúng tôi. KQKD cao hơn kỳ vọng chủ yếu nhờ sản lượng bán và lợi nhuận gộp vượt dự báo.

* Trong 6T 2026, PLX ghi nhận doanh thu đạt 234,9 nghìn tỷ đồng (+63% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đạt 2,0 nghìn tỷ đồng (+36% YoY). Tăng trưởng lợi nhuận chủ yếu được hỗ trợ bởi: (1) sản lượng bán xăng dầu trong nước tăng 12,2% YoY; và (2) lợi nhuận phục hồi mạnh trong quý 2 sau khi hoàn nhập 6 nghìn tỷ đồng dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập trong quý 1. Các yếu tố tích cực này lấn át: (3) biên lợi nhuận gộp 6T thu hẹp từ 6,1% trong 6T 2025 xuống còn 4,8%, trong bối cảnh giá xăng dầu biến động mạnh; và (4) chi phí bán hàng tăng 18% YoY khi PLX tiếp tục mở rộng hoạt động phân phối.

* Trong quý 2/2026, PLX đã ghi nhận doanh thu đạt 136 nghìn tỷ đồng (+78% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đạt 2,8 nghìn tỷ đồng, đảo chiều từ mức lỗ 763 tỷ đồng trong quý 1/2026 và tăng 106% YoY. Lợi nhuận phục hồi mạnh chủ yếu nhờ: (1) khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (khoảng 6,1 nghìn tỷ đồng) đã trích lập vào cuối quý 1; và (2) mức tăng 8,7% YoY của sản lượng bán trong nước. Các yếu tố tích cực này lấn át: (3) mức tăng 16% YoY của chi phí bán hàng; (4) mức tăng 38% YoY của chi phí quản lý doanh nghiệp; và (5) mức tăng 28% YoY của chi phí lãi vay, qua đó phản ánh nhu cầu vốn lưu động cao hơn trong bối cảnh giá xăng dầu duy trì ở mức cao. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

POW: LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi 6T 2026 tăng gấp đôi YoY, hoàn thành 115% dự báo năm 2026 của chúng tôi; triển vọng 6T cuối năm tích cực, tiềm năng điều chỉnh tăng đáng kể - Báo cáo KQKD

* Nhìn chung, chúng tôi nhận thấy tiềm năng điều chỉnh tăng đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi năm 2026 của POW nhờ: (1) LNST cốt lõi 6T 2026 của NT2 đã hoàn thành 69% dự báo cả năm 2026 của chúng tôi; (2) LNST cốt lõi 6T 2026 của Vũng Áng đã hoàn thành khoảng 70% dự báo cả năm; (3) sản lượng điện của Nhơn Trạch 1 đã đạt 93% dự báo cả năm 2026; (4) lợi nhuận của NT3&4 có khả năng cao hơn kỳ vọng; và (5) LNST 6T 2026 của Thủy điện Hòa Na đã hoàn thành 63% dự báo cả năm, dù lợi nhuận của công ty thường cao hơn trong 6T cuối năm. Ngoài ra, chúng tôi nhận thấy dự báo LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo có tiềm năng điều chỉnh tăng ít nhất khoảng 50%, dù cần thêm đánh giá chi tiết. Chúng tôi hiện duy trì khuyến nghị MUA đối với POW với giá mục tiêu 18.000 đồng/cổ phiếu.

* LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo 6T 2026 đạt 4,7 nghìn tỷ đồng, gấp 4,5 lần YoY và tương đương 147% dự báo hiện tại của chúng tôi cho cả năm 2026. Chúng tôi cho rằng mức tăng đột biến này đến từ việc ghi nhận toàn bộ khoản thanh toán 1,6 nghìn tỷ đồng của EVN liên quan đến khoản lỗ tỷ giá của Vũng Áng và 381 tỷ đồng cho chi phí vận hành và bảo dưỡng – O&M – của Cà Mau, bên cạnh kết quả kinh doanh cốt lõi tăng trưởng mạnh.

* Loại trừ thu nhập bất thường, chúng tôi ước tính LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi 6T 2026 đạt 3,1 nghìn tỷ đồng, gấp 2,3 lần YoY, hoàn thành 115% dự báo cả năm 2026 của chúng tôi và cao hơn khoảng 50% so với số liệu sơ bộ công bố trước đó. Tăng trưởng mạnh của LNST cốt lõi chủ yếu đến từ: (1) sản lượng điện thương phẩm tăng 44% YoY; (2) giá thị trường phát điện cạnh tranh – CGM – bình quân 6T 2026 đạt 1.500 đồng/kWh, tăng 31% YoY, so với mức tăng 3% YoY trong quý 1; (3) kết quả ấn tượng của NT3&4, với tỷ lệ Qc lũy kế từ đầu năm đạt 120% và 642 triệu kWh sản lượng Qc không được huy động, hoàn thành 104% dự báo cả năm 2026 của chúng tôi. Chúng tôi ước tính NT3&4 đã hòa vốn trong 6T 2026, so với dự báo trước đây về khoản lỗ khoảng 300 tỷ đồng trong cả năm; (4) đóng góp tích cực từ NT2, với LNST cốt lõi tăng 60% YoY – vui lòng tham khảo Báo cáo nhanh KQKD NT2 của chúng tôi để biết thêm chi tiết; (5) Nhà máy nhiệt điện than Vũng Áng đóng góp khoảng 800 tỷ đồng, tương đương khoảng 70% dự báo cả năm 2026 của chúng tôi; và (6) LNST sau lợi ích CĐTS 6T 2026 tích cực của Thủy điện Hòa Na, với mức đóng góp ước tính 169 tỷ đồng, tăng 57% YoY và hoàn thành 63% dự báo cả năm 2026.

* Quý 2 tăng trưởng mạnh nhờ giá CGM cao: LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đạt 3,5 nghìn tỷ đồng, gấp 5,8 lần YoY và khoảng 3 lần QoQ. LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi đạt 1,9 nghìn tỷ đồng, gấp 2,4 lần YoY và 1,6 lần QoQ. Chúng tôi cho rằng mức tăng mạnh của LNST cốt lõi trong quý 2 chủ yếu nhờ: (1) sản lượng điện thương phẩm tăng 56% YoY; (2) giá CGM cao, đạt 1.711 đồng/kWh, tăng 64% YoY và 33% QoQ; và (3) đóng góp tích cực từ NT3&4, hai nhà máy mới đi vào vận hành.

* Triển vọng Qc 6T cuối năm tích cực: Theo chuyên gia trong ngành, tổng sản lượng Qc được phân bổ cho các nhà máy điện khí của POW trong 6T cuối năm 2026 đạt 8,2 tỷ kWh, cao hơn 5% so với 6T đầu năm. Qc 6T cuối năm của NT2 cao hơn khoảng 16% so với 6T đầu năm, và sản lượng Qc cả năm của NT2 vượt 15% so với dự báo năm 2026 của chúng tôi. Qc 6T cuối năm của NT3&4 nhìn chung tương đương 6T đầu năm, bất chấp mùa mưa trong quý 3 và giá LNG cao. Sản lượng Qc cả năm của NT3&4 cũng vượt 2% so với dự báo của chúng tôi, qua đó củng cố khả năng duy trì lợi nhuận ở mức cao trong 6 tháng cuối năm và tạo thêm tiềm năng điều chỉnh tăng dự báo. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

PTB: LNST sau lợi ích CĐTS nửa đầu năm tăng 17% YoY; tiềm năng điều chỉnh tăng đối với dự báo - Báo cáo KQKD

* CTCP Phú Tài (PTB) công bố KQKD quý 2/2026 với doanh thu đạt 2,1 nghìn tỷ đồng (+9% YoY; đi ngang so với quý trước) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 128 tỷ đồng (+2% YoY; -15% QoQ). Kết quả này đưa doanh thu nửa đầu năm 2026 (6T 2026) lên mức 4,2 nghìn tỷ đồng (+19% YoY; tương đương 53% dự báo năm 2026 của chúng tôi) và LNST sau lợi ích CĐTS lên mức 277 tỷ đồng (+17% YoY; tương đương 68% dự báo năm 2026 của chúng tôi). Chúng tôi nhận thấy tiềm năng điều chỉnh tăng đối với dự báo lợi nhuận năm 2026 hiện tại, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

*** Màng đá:**

- Màng đá là động lực tăng trưởng doanh thu chính trong quý 2/2026, với doanh thu đạt 615 tỷ đồng (+25% YoY; +35% QoQ). Doanh thu màng đá 6T 2026 đạt 1,1 nghìn tỷ đồng (+22% YoY; tương đương 47% dự báo năm 2026 của chúng tôi).

- Biên lợi nhuận gộp màng đá đạt 26,3% trong quý 2/2026 (-3,2 điểm % YoY; +0,9 điểm % QoQ), đưa biên lợi nhuận gộp 6T 2026 của màng lên mức 25,9% (-2,8 điểm % YoY), thấp hơn dự báo năm 2026 của chúng tôi là 27,4%. Trong bối cảnh cạnh tranh giá ngày càng gay gắt, PTB tiếp tục nâng cấp cơ cấu sản phẩm sang các dòng đá nhân tạo và thạch anh có biên lợi nhuận cao hơn nhằm hỗ trợ khả năng sinh lời.

*** Màng gỗ:**

- Doanh thu màng gỗ đạt 1,1 nghìn tỷ đồng trong quý 2/2026 (+9% YoY; -12% QoQ), đưa doanh thu 6T 2026 của màng lên mức 2,4 nghìn tỷ đồng (+17% YoY; tương đương 55% dự báo năm 2026 của chúng tôi). Biên lợi nhuận gộp màng gỗ đạt 19,0% trong quý 2/2026 (-0,3 điểm % YoY; -2,4 điểm % QoQ), mặc dù biên lợi nhuận gộp màng gỗ 6T 2026 về cơ bản vẫn duy trì ổn định so với cùng kỳ ở mức 20,3%, cao hơn dự báo năm 2026 của chúng tôi là 17,5%.

- Màng gỗ tiếp tục được hưởng lợi từ nhu cầu đồ gỗ ổn định, bao gồm đóng góp từ mảng viên nén gỗ của PTB vốn đã bắt đầu vận hành từ giữa quý 4/2025. Trong khi đó, ban lãnh đạo đánh giá tác động từ thuế quan của Mỹ hiện ở mức có thể kiểm soát.

- Viên nén gỗ tiếp tục là động lực tăng trưởng trong trung hạn, với công suất hiện tại đạt 90 nghìn tấn/năm và kế hoạch mở rộng lên mức 500 nghìn tấn/năm trong hai năm tới, tương ứng với mức doanh thu tiềm năng khoảng 2,5 nghìn tỷ đồng. Doanh số xuất khẩu dự kiến sẽ bắt đầu sau khi được cấp chứng nhận FSC.

* Màng bất động sản (BDS): Doanh thu quý 2/2026 của mảng đạt 55 tỷ đồng (-43% YoY; -49% QoQ), đưa doanh thu 6T 2026 lên mức 161 tỷ đồng (+29% YoY; tương đương 89% dự báo năm 2026 của chúng tôi), chủ yếu nhờ hoạt động bàn giao tại dự án Phú Tài Central Life. Biên lợi nhuận gộp mảng BDS trong 6T 2026 đạt 30,6%, thấp hơn dự báo năm 2026 của chúng tôi là 40,0%.

* Biên lợi nhuận gộp: Biên lợi nhuận gộp quý 2/2026 giảm xuống 19,4% (-1,1 điểm % YoY; -1,7 điểm % QoQ), đưa biên lợi nhuận gộp 6T 2026 xuống 20,3% (-0,7 điểm % YoY), cao hơn một chút so với dự báo năm 2026 của chúng tôi là 19,3%. Mức giảm so với cùng kỳ chủ yếu phản ánh biên lợi nhuận màng đá thấp hơn và biên lợi nhuận màng gỗ giảm so với quý trước. Ban lãnh đạo trước đó cho biết chi phí đầu vào đã tăng khoảng 5%-6% trong bối cảnh căng thẳng tại Trung Đông, qua đó cho thấy khả năng duy trì biên lợi nhuận sẽ phụ thuộc một phần vào việc PTB có thể chuyển phần chi phí cao hơn này sang cho khách hàng hay không.

* KQKD 6T 2026 tích cực hơn so kỳ vọng của chúng tôi, chủ yếu nhờ khả năng sinh lời ổn định của mảng gỗ và chi phí bán hàng & quản lý (SG&A) được kiểm soát tốt, bù đắp một phần cho biên lợi nhuận màng đá thấp hơn và các khoản lỗ ngoài hoạt động kinh doanh. Do đó, chúng tôi nhận thấy tiềm năng điều chỉnh tăng đối với dự báo lợi nhuận năm 2026 hiện tại, dù cần thêm đánh giá chi tiết. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

PVD: LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi 6T 2026 tăng 66% YoY, trong khi quý 2 giảm 11% YoY; thấp hơn dự báo - Báo cáo KQKD & Gặp gỡ HĐQT

* Chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo năm 2026 của chúng tôi, dù vẫn cần thêm đánh giá chi tiết. LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo và cốt lõi trong nửa đầu năm (6T) lần lượt hoàn thành 37% và 41% dự báo năm 2026 tương ứng của chúng tôi. Nguyên nhân chủ yếu là do chi phí lãi vay cao hơn kỳ vọng sau khi áp dụng Thông tư 99 và lợi nhuận gộp mảng khoan thấp hơn dự kiến. Chúng tôi lưu ý rằng thay đổi trong chính sách kế toán đối với chi phí lãi vay có thể hỗ trợ dự báo dài hạn. Chi phí lãi vay liên quan đến khoản đầu tư xây dựng cơ bản dở dang vào PVD IX được ghi nhận trực tiếp vào KQKD năm 2026, thay vì được vốn hóa và phân bổ thông qua khấu hao trong các kỳ sau, do đó chi phí khấu hao sẽ thấp hơn.

* Trong 6T 2026, PVD ghi nhận doanh thu đạt 245,7 triệu USD (+59% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đạt 17,9 triệu USD (+16% YoY); LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi tăng 66% YoY lên mức 21,0 triệu USD. Mức tăng trưởng mạnh của lợi nhuận cốt lõi chủ yếu được thúc đẩy bởi: (1) mức tăng 43% YoY của lợi nhuận gộp mảng khoan, do hiệu suất hoạt động giàn tự phục hồi 8,4 điểm phần trăm lên 92% (so với giai đoạn 6T 2025, khi giàn PVD VI tiến hành đại tu), giá thuê ngày trung bình của giàn tự nâng tăng 2% YoY và đóng góp mới từ PVD VIII; (2) mức tăng 40% YoY của lợi nhuận gộp từ các dịch vụ liên quan đến giếng khoan; và (3) mức tăng 87% YoY của lợi nhuận từ các công ty liên kết, qua đó phản ánh xu hướng khởi sắc hơn của hoạt động thăm dò và khai thác dầu khí tại Việt Nam. Các yếu tố tích cực này lấn át mức tăng 32% YoY của chi phí quản lý doanh nghiệp và mức tăng 75% YoY của chi phí lãi vay.

* Trong quý 2/2026, PVD ghi nhận doanh thu đạt 115,6 triệu USD (+21% YoY), nhưng LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo giảm 34% YoY xuống mức 6,2 triệu USD; LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi đạt 8,3 triệu USD (-11% YoY). Mức giảm của LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi chủ yếu do lợi nhuận gộp mảng khoan giảm 16% YoY, mặc dù doanh thu mảng khoan tăng 43% YoY. Nguyên nhân chính gồm: (1) Chi phí nâng cấp giàn PVD VIII và PVD IX không được vốn hóa. Theo Thông tư 99/2025/TT-BTC, các khoản nâng cấp theo yêu cầu của khách hàng để phục vụ hoạt động phải được ghi nhận trực tiếp vào chi phí thay vì vốn hóa; và (2) Dự án Sông Đốc kéo dài hơn tiến độ ban đầu, trong khi phần lớn doanh thu đã được ghi nhận trong năm 2025, khiến công ty phải ghi nhận thêm chi phí vượt dự toán. Ngoài ra, (3) chi phí lãi vay đã ghi nhận mức tăng mạnh 132% YoY, qua đó phản ánh cả dư nợ vay cao hơn để mở rộng đội giàn khoan và tác động của Thông tư 99/2025/TT-BTC. Theo đó, chi phí đi vay liên quan đến các tài sản có thời gian xây dựng dưới một năm không còn được vốn hóa mà phải được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo KQKD. Các yếu tố bất lợi này lấn át: (4) mức tăng 22% YoY của lợi nhuận gộp từ các dịch vụ liên quan đến giếng khoan; và (5) mức tăng 225% YoY của lợi nhuận từ các công ty liên kết. LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo giảm mạnh hơn lợi nhuận cốt lõi chủ yếu do: (6) Không còn khoản bồi thường bảo hiểm 1,8 triệu USD liên quan đến thời gian giàn PVD VI ngừng hoạt động, vốn được ghi nhận trong quý 2/2025.

Chúng tôi cũng tham dự cuộc họp gặp gỡ nhà đầu tư của PVD vào ngày 30/07/2026, và ghi nhận được các nội dung chính như sau:

* PVD dự kiến KQKD quý 3/2026 sẽ tiếp tục chịu áp lực, nhưng kỳ vọng lợi nhuận sẽ phục hồi từ quý 4/2026. Dự án Sông Đốc dự kiến sẽ hoàn thành vào giữa tháng 8/2026; do đó, các chi phí liên quan đến việc chậm tiến độ sẽ tiếp tục tạo ra áp lực trong quý 3. Đồng thời, phần chi phí nâng cấp giàn PVD VIII và PVD IX còn lại cũng sẽ tiếp tục được ghi nhận trong quý 3.

* Tiến độ sơ bộ của dự án Cá Voi Xanh và khả năng tham gia của PVD: PVD chia sẻ tiến độ sơ bộ của dự án Cá Voi Xanh và khả năng tham gia của công ty. PVD kỳ vọng các gói thầu khoan sẽ bắt đầu được mời thầu vào khoảng đầu năm 2029 và dòng khí đầu tiên dự kiến sẽ được khai thác vào năm 2031. Tuy nhiên, tiến độ này vẫn có khả năng sẽ thay đổi do quy mô dự án tương đối lớn. Cá Voi Xanh là một dự án nước sâu. PVD cho biết trước năm 2014, công ty từng cân nhắc đầu tư một giàn khoan nửa nổi nửa chìm cho dự án. Tuy nhiên, hiện PVD đánh giá việc đầu tư giàn mới tiềm ẩn nhiều rủi ro và chưa có kế hoạch cụ thể cho đến khi dự án đạt quyết định đầu tư cuối cùng (FID), và chủ đầu tư hoàn thiện xong các yêu cầu kỹ thuật. PVD V, giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm hiện tại của công ty, không phù hợp về mặt kỹ thuật cho dự án vì cần phải đóng một bộ thiết bị khoan mới. Do đó, PVD cũng có thể cân nhắc phương án đi thuê giàn khoan, tùy thuộc vào kế hoạch phát triển chi tiết của dự án.

* Mở rộng đội giàn khoan: Sau PVD X, ban lãnh đạo có kế hoạch mua thêm hai giàn tự nâng trước năm 2030, so với giả định hiện tại của chúng tôi là một giàn. Chi phí đầu tư mục tiêu là 75-80 triệu USD mỗi giàn, bao gồm chi phí mua và tái kích hoạt, với IRR mục tiêu tối thiểu là 13%. Ban lãnh đạo cho rằng bất ổn địa chính trị trong giai đoạn 2026-27 tạo cơ hội thuận lợi để mua giàn khoan với mức giá chiết khấu, trước khi nhu cầu khoan trong khu vực phục hồi trở lại.

* Triển vọng giá thuê ngày: Giá thuê ngày trung bình của giàn tự nâng tại Đông Nam Á đạt 95.100 USD/ngày trong quý 2/2026 (-9% YoY; -7% QoQ) và 98.800 USD/ngày trong 6T 2026 (+4% YoY). Xu hướng suy yếu trong quý 2 chủ yếu do hoạt động khoan tại Trung Đông bị trì hoãn, khiến nguồn cung giàn khoan dư thừa chuyển sang Đông Nam Á. Tuy nhiên, ban lãnh đạo kỳ vọng giá thuê ngày trong khu vực sẽ phục hồi khi xung đột tại Trung Đông hạ nhiệt và chi tiêu cho hoạt động thăm dò và khai thác phục vụ tái thiết bắt đầu gia tăng, qua đó thúc đẩy nhu cầu đối với các giàn khoan ngoài khơi. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

----- **REE: LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2 tăng 9% YoY bất chấp El Nino - Báo cáo KQKD**

* Chúng tôi nhận thấy không có thay đổi đáng kể đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS năm 2026 của chúng tôi (2,9 nghìn tỷ đồng, +14% YoY) do tiềm năng điều chỉnh tăng của mảng thu nhập tài chính thuần công ty mẹ & khác có thể bù đắp cho lợi nhuận thấp hơn dự kiến của mảng BĐS/cho thuê văn phòng, dù vẫn cần thêm đánh giá chi tiết.

* Tại ĐHCĐ bất thường gần đây, REE ước tính LNST năm 2026 đạt 2.570-2.980 tỷ đồng, với giá trị trung bình 2.775 tỷ đồng tương đương 97% dự báo của chúng tôi. Chúng tôi hiện có khuyến nghị MUA đối với REE với giá mục tiêu là 66.900 đồng/cổ phiếu.

* KQKD 6T 2026: doanh thu đạt 4,9 nghìn tỷ đồng (+7% YoY, khoảng 41% dự báo năm 2026 của chúng tôi); LNST sau lợi ích CĐTTS báo cáo đạt 1.346 tỷ đồng (+9% YoY, khoảng 47% dự báo năm 2026)

+ Tăng trưởng doanh thu được thúc đẩy bởi doanh thu mảng cơ điện (M&E)/điện lần lượt +19%/+9% YoY, bù đắp cho mảng cho thuê văn phòng & BĐS -14% YoY

+ Tăng trưởng LNST sau lợi ích CĐTTS báo cáo đến từ (1) lợi nhuận mảng điện +7% YoY, và (2) lợi nhuận mảng M&E tăng gấp 2,1 lần YoY (tăng trưởng doanh thu và hoàn nhập dự phòng 25 tỷ đồng); các yếu tố này bù đắp cho (3) mảng cho thuê văn phòng & BĐS -19% YoY.

* KQKD quý 2/2026: doanh thu đạt 2,4 nghìn tỷ đồng (-3% YoY); LNST sau lợi ích CĐTTS báo cáo đạt 632 tỷ đồng (+1% YoY). LNST sau lợi ích CĐTTS thực tế thấp hơn một chút so với số liệu sơ bộ 683 tỷ đồng được công bố tại ĐHCĐ bất thường.

+ Doanh thu giảm nhẹ YoY do doanh thu mảng cho thuê văn phòng & BĐS -29% YoY (không ghi nhận doanh số bán hàng từ dự án The Light Square), lấn át mức tăng 11% YoY của doanh thu mảng điện

+ LNST sau lợi ích CĐTTS gần như đi ngang YoY khi lợi nhuận mảng điện/nước lần lượt +13%/+30% YoY được bù trừ bởi LNST sau lợi ích CĐTTS mảng cho thuê văn phòng & BĐS -42% YoY.

Chi tiết theo mảng:

* Điện, nhìn chung phù hợp với dự báo: Tăng trưởng LNST mảng điện trong 6T chủ yếu đến từ (1) LNST mảng thủy điện +12% YoY (thủy điện của REE: giá thị trường điện cạnh tranh (CGM) +30% YoY, lấn át sản lượng bán điện -9,5% YoY), và (2) LNST mảng điện gió +8% YoY (tốc độ gió cao hơn và nhà máy Duyên Hải 1 – 48 MW vận hành thương mại từ giữa tháng 3).

* Nước, nhìn chung phù hợp với dự báo: LNST 6T +18% YoY lên 190 tỷ đồng, hoàn thành 49% dự báo năm 2026 của chúng tôi, chủ yếu nhờ sản lượng nước bán ra của Nước Sông Đà +25% sau khi giai đoạn 2 mở rộng đi vào hoạt động (gấp 2 lần công suất).

* Cho thuê văn phòng, rủi ro giảm nhẹ: doanh thu/LNST 6T lần lượt +13%/15% YoY nhờ (1) tỷ lệ lấp đầy tăng 1,8%, và (2) giá cho thuê trung bình tăng nhẹ. LNST 6T đạt 254 tỷ đồng, hoàn thành 44% dự báo năm 2026 của chúng tôi.

* BĐS: 6T không ghi nhận doanh thu từ dự án Light Square, rủi ro giảm. Doanh số bán hàng tiếp tục thấp hơn dự kiến, với chỉ 8/45 căn được bán trong bối cảnh thị trường trầm lắng, tạo rủi ro giảm đối với dự báo lợi nhuận mảng BĐS năm 2026 của chúng tôi.

* Mảng M&E tăng trưởng mạnh, nhìn chung phù hợp với dự báo: giá trị hợp đồng ký mới trong 6T đạt 5,9 nghìn tỷ đồng, ~98% kế hoạch, với giá trị ký mới thực tế năm 2026 có thể đạt 7-8 nghìn tỷ đồng (~2 lần YoY). Chúng tôi ước tính backlog cuối 6T 2026 đạt 10 nghìn tỷ đồng, hỗ trợ dự báo doanh thu năm 2026/27 của chúng tôi là 5/6 nghìn tỷ đồng. Tăng trưởng được hỗ trợ bởi các hợp đồng liên quan đến sân bay và các dự án theo cơ chế PPP.

* Thu nhập tài chính công ty mẹ & khác, tiềm năng điều chỉnh tăng: LNST 6T đạt 118 tỷ đồng (+78% YoY, so với dự báo năm 2026 của chúng tôi là lỗ 17 tỷ đồng) nhờ thu nhập lãi và cổ tức cao hơn. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

SSI: KQKD 6T 2026 ghi nhận đà tăng trưởng mạnh bất chấp thị trường biến động - Báo cáo KQKD

CTCP Chứng khoán SSI (SSI) ghi nhận KQKD hợp nhất quý 2/2026 tích cực, với doanh thu đạt 3,3 nghìn tỷ đồng (+11% YoY) và LNTT đạt 1,5 nghìn tỷ đồng (+28% YoY). Trong nửa đầu năm 2026 (6T 2026), doanh thu đã ghi nhận ở mức 6,5 nghìn tỷ đồng (+26% YoY), trong khi LNTT đạt 3,1 nghìn tỷ đồng (+39% YoY), lần lượt hoàn thành 44%/56% dự báo cả năm của chúng tôi và 41%/53% kế hoạch của công ty. Nhìn chung, KQKD 6T 2026 của SSI nhìn hơn kỳ vọng của chúng tôi, chủ yếu nhờ lợi suất đầu tư ròng từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) cao hơn dự kiến. Chúng tôi nhận thấy khả năng điều chỉnh tăng đối với dự báo lợi nhuận của chúng tôi, dù vẫn cần chờ thêm các đánh giá chi tiết. Danh mục đầu tư có tính phòng thủ (chủ yếu gồm các tài sản thu nhập cố định) là yếu tố then chốt giúp lợi nhuận của công ty duy trì ổn định trong bối cảnh thị trường biến động. Hiện chúng tôi có khuyến nghị MUA đối với SSI.

1. Hoạt động đầu tư

* Hoạt động đầu tư tiếp tục đóng góp lớn nhất vào doanh thu 6T 2026, đạt 2,7 nghìn tỷ đồng (+8,8% YoY). Danh mục FVTPL của SSI tiếp tục chủ yếu được phân bổ vào các tài sản thu nhập cố định, trong đó chúng chỉ tiền gửi và trái phiếu lần lượt chiếm 62% và 33% tổng danh mục.

* Lợi suất đầu tư ròng quy đổi theo năm từ các tài sản FVTPL của SSI đạt 8,1% trong 6T 2026, so với 6,6% trong 6T 2025 và 7,7% trong quý 1/2026.

2. Dịch vụ cho vay ký quỹ:

* Doanh thu cho vay ký quỹ 6T 2026 tăng 47% YoY, đạt 2,1 nghìn tỷ đồng, trong khi dư nợ cho vay ký quỹ tại cuối quý 2/2026 đạt 40,5 nghìn tỷ đồng (+22% YoY; +10% QoQ; +4% so với đầu năm).

* Lợi suất cho vay kỳ quỹ thực tế của SSI trong quý 2/2026 đạt 11,28% (+21 điểm cơ bản QoQ; +28 điểm cơ bản YoY), trong khi chi phí vay vốn đạt 6,55% (+122 điểm cơ bản QoQ; +213 điểm cơ bản YoY). Theo đó, chênh lệch lãi suất cho vay kỳ quỹ trong quý 2/2026 – được tính bằng lợi suất cho vay trừ chi phí vay vốn – đạt 4,73% (-101 điểm cơ bản QoQ; -185 điểm cơ bản YoY). Trong bối cảnh cạnh tranh trong mảng cho vay kỳ quỹ tiếp tục gay gắt, chúng tôi duy trì quan điểm rằng SSI sẽ khó chuyển toàn bộ tác động từ chi phí vốn gia tăng sang khách hàng.

3. Dịch vụ môi giới và ngân hàng đầu tư

* Doanh thu môi giới chứng khoán 6T 2026 đạt 1,1 nghìn tỷ đồng (+35% YoY), nhờ được hỗ trợ bởi thị phần môi giới gia tăng. Thị phần trung bình của SSI trên ba sàn giao dịch tăng từ 9,9% trong 6T 2025 lên 10,6% trong 6T 2026. Bên cạnh đó, giá trị giao dịch trung bình ngày trong 6T 2026 tăng 34% YoY cũng hỗ trợ doanh thu môi giới.

* Mức phí môi giới trung bình trong 6T 2026 đạt 0,147% (-1,2 điểm cơ bản YoY).

* Lợi nhuận từ hoạt động môi giới của SSI trong 6T 2026 đạt 362 tỷ đồng (+86% YoY). Riêng trong quý 2/2026, lợi nhuận môi giới đạt 121 tỷ đồng (-7,9% YoY; -49,7% QoQ).

* Doanh thu ngân hàng đầu tư đạt 73 tỷ đồng trong 6T 2026, so với 58 tỷ đồng trong 6T 2025. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

STB: KQKD thấp hơn kỳ vọng do chất lượng tài sản suy giảm mạnh - Báo cáo KQKD

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Tài LỘC (STB) đã công bố KQKD 6T 2026 với tổng thu nhập hoạt động (TOI) đạt 17,5 nghìn tỷ đồng (665 triệu USD; +12,3% YoY) và LNTT đạt 4,1 nghìn tỷ đồng (157 triệu USD; -43,6% YoY), lần lượt hoàn thành 57% và 50% dự báo năm 2026 của chúng tôi. LNTT 6T 2026 hoàn thành 51% kế hoạch cả năm của ngân hàng là 8,1 nghìn tỷ đồng (+6,2% YoY). Chi phí thuế trong quý 2 ở mức cao bất thường, tương đương 33,7% LNTT, kéo theo LNST 6T 2026 chỉ đạt 2,9 nghìn tỷ đồng (-49,4% YoY), hoàn thành 44% dự báo cả năm của chúng tôi. Nhìn chung, lợi nhuận của STB thấp hơn kỳ vọng của chúng tôi do chất lượng tài sản suy giảm mạnh hơn dự kiến, với tỷ lệ nợ xấu tiếp tục tăng lên mức 7,54% trong quý. Tuy nhiên, do KQKD quý 2/2026 nhìn chung phù hợp với số liệu sơ bộ mà ngân hàng đã công bố trước đó, kết quả này nhiều khả năng sẽ không gây bất ngờ cho thị trường. Chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo hiện tại của chúng tôi, dù vẫn cần thêm đánh giá chi tiết.

* Tăng trưởng tín dụng 6T 2026 đạt 1,5%, thấp hơn đáng kể so với kỳ vọng của chúng tôi và mức tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống là 8,5%. Cơ cấu cho vay chuyển dịch sang các khoản vay trung và dài hạn, chiếm 40% tổng dư nợ của STB (+4,0 điểm % QoQ).

* Tiền gửi khách hàng tăng 4,8% trong 6T 2026, so với mức giảm 2,8% trong quý 1/2026, cho thấy tiền gửi tăng mạnh 7,8% trong quý 2. Tổng nguồn vốn huy động, bao gồm tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá, tăng 4,5% trong 6T 2026.

* Tỷ lệ CASA trong quý 2/2026 đạt 16,8% (-1,0 điểm % YoY; +0,6 điểm % QoQ), tương đối vững trong bối cảnh mặt bằng lãi suất hiện ở mức cao. Chúng tôi cho rằng việc STB gần đây mở rộng hoạt động sang phân khúc doanh nghiệp đã cung cấp sự hỗ trợ cho tỷ lệ CASA.

* NIM quý 2/2026 đạt 2,91% (+13 điểm cơ bản QoQ; -59 điểm cơ bản YoY). NIM cải thiện QoQ do lợi suất tài sản tăng nhanh hơn một chút so với chi phí vốn, với lợi suất tài sản tăng 71 điểm cơ bản QoQ, so với mức tăng 69 điểm cơ bản QoQ của chi phí vốn. NIM 6T 2026 đạt 2,77% (-83 điểm cơ bản YoY).

* Thu nhập ngoài lãi (NOI) 6T 2026 đạt 5,2 nghìn tỷ đồng (+146% YoY), qua đó đã hoàn thành 97% dự báo cả năm của chúng tôi. Động lực chính là thu nhập phí thuần tăng đột biến lên 4,0 nghìn tỷ đồng (+140% YoY). Chúng tôi nhận thấy diễn biến này tương tự LPB trong giai đoạn tái cơ cấu, khi thu nhập phí trở thành nguồn hỗ trợ quan trọng cho lợi nhuận.

* Chi phí tín dụng quy đổi theo năm tăng lên 2,24% trong 6T 2026, so với 1,29% trong quý 1/2026 và 0,38% trong 6T 2025. Chi phí tín dụng tăng do chất lượng tài sản tiếp tục suy giảm. Tỷ lệ nợ xấu của STB tăng 92 điểm cơ bản QoQ và 508 điểm cơ bản YoY, lên 7,54% trong quý 2/2026 (từ mức 6,62% trong quý 1/2026). Ngoài ra, tỷ lệ nợ nhóm 2 tăng từ 0,95% trong quý 1/2026 lên 2,65% tổng dư nợ. Diễn biến này cho thấy chi phí dự phòng có thể tiếp tục duy trì ở mức cao trong nửa cuối năm 2026, khi ngân hàng hướng tới mục tiêu đưa tỷ lệ nợ xấu xuống dưới 5%.

* Tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) trong 6T 2026 giảm 10,2 điểm % YoY, xuống còn 35,6%, thấp hơn dự báo cả năm của chúng tôi là 37,0%. Kết quả này được hỗ trợ bởi chi phí HĐKD giảm 12,5% YoY, trong khi TOI tăng 12,3% YoY. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

TPB: Tăng trưởng tín dụng mạnh và đóng góp cao từ thu nhập ngoài lãi giúp hỗ trợ lợi nhuận; KQKD nhìn chung phù hợp với dự báo - Báo cáo KQKD

Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPB) đã công bố KQKD nửa đầu năm 2026 (6T 2026) với tổng thu nhập hoạt động (TOI) đạt 10,1 nghìn tỷ đồng (+11,0% YoY) và LNTT đạt 4,5 nghìn tỷ đồng (+8,1% YoY), lần lượt hoàn thành 49% và 46% dự báo cả năm 2026 của chúng tôi. Xét theo quý, TOI và LNTT quý 2/2026 lần lượt tăng 6,0% và 12,9% QoQ, nhờ NIM phục hồi nhẹ và chi phí dự phòng giảm. Nhìn chung, KQKD 6T 2026 của TPB vượt kỳ vọng của chúng tôi về các hoạt động liên quan đến tín dụng, trong khi đà tăng trưởng của NOI chậm lại trong quý 2 (thấp hơn một chút so với kỳ vọng của chúng tôi), qua đó khiến LNTT nhìn chung phù hợp với dự báo. Chúng tôi kỳ vọng thu nhập ngoài lãi sẽ lấy lại đà tăng trưởng cao trong nửa cuối năm, nhờ ngân hàng bắt đầu khai thác doanh thu từ lượng thẻ tín dụng mới phát hành.

* Tăng trưởng tín dụng của TPB tăng tốc mạnh trong quý 2, với dư nợ cho vay khách hàng tăng 7,2% QoQ, sau khi chỉ tăng 3,3% trong quý 1/2026. Chúng tôi tiếp tục cho rằng hoạt động cho vay đối với các chủ đầu tư BĐS và phân khúc doanh nghiệp là những động lực tăng trưởng chính, tương tự như xu hướng trong quý 1/2026. Dư nợ cho vay các chủ đầu tư BĐS tiếp tục tăng mạnh 31,4% QoQ, tương ứng với mức tăng 54,5% trong 6T 2026, trong khi cho vay bán lẻ chỉ tăng nhẹ 1,6% QoQ và 3,1% trong 6T 2026.

* Tăng trưởng tiền gửi đảo chiều mạnh từ mức giảm 4,3% trong quý 1/2026 sang tăng 7,7% QoQ trong quý 2, khi TPB tích cực củng cố nguồn vốn huy động để hỗ trợ mở rộng tín dụng. Tuy nhiên, tăng trưởng tiền gửi 6T 2026 chỉ đạt 3,4%, thấp hơn mức tăng trưởng tín dụng 10,6%, buộc ngân hàng phải sử dụng nguồn vốn liên ngân hàng như một kênh huy động thay thế. Chúng tôi lưu ý rằng diễn biến này hàm ý tỷ lệ cho vay trên huy động thị trường 1 cao hơn, khiến khả năng huy động vốn của ngân hàng trở thành chỉ tiêu quan trọng cần theo dõi trong nửa cuối năm.

* Tỷ lệ CASA của TPB đạt 21,0% trong 6T 2026 (-151 điểm cơ bản YoY; +100 điểm cơ bản QoQ). Mức giảm YoY tiếp tục phản ánh ảnh hưởng của môi trường lãi suất cao, phù hợp với xu hướng chung tại các ngân hàng mà chúng tôi theo dõi. Tuy nhiên, chúng tôi đánh giá mức cải thiện QoQ là tín hiệu tích cực, qua đó có thể giúp làm giảm áp lực lên chi phí vốn.

* NIM quý 2/2026 đạt 2,88% (-31 điểm cơ bản YoY; +5 điểm cơ bản QoQ), đánh dấu quý đầu tiên cải thiện QoQ sau nhiều quý. Lợi suất tài sản sinh lãi tăng 84 điểm cơ bản QoQ, lên 8,46% (+98 điểm cơ bản YoY), nhỉnh hơn mức tăng 80 điểm cơ bản QoQ của chi phí vốn, lên 5,88% (+122 điểm cơ bản YoY).

* Thu nhập ngoài lãi 6T 2026 đạt 3,0 nghìn tỷ đồng (+17,1% YoY), tăng nhanh hơn thu nhập lãi thuần (+8,6% YoY), qua đó nâng tỷ trọng đóng góp của thu nhập ngoài lãi vào TOI lên 29,7%. Trong quý 2/2026, thu nhập ngoài lãi đạt 1,6 nghìn tỷ đồng (+6,6% YoY), chậm lại so với mức tăng 31% YoY trong quý 1/2026, do biên thu nhập phí giảm, thu nhập ngoại hối suy yếu và phát sinh lỗ từ hoạt động đầu tư trái phiếu. Chúng tôi kỳ vọng phí giao dịch và phí thẻ sẽ tiếp tục là động lực tăng trưởng chính trong nửa cuối năm 2026.

* Chất lượng tài sản duy trì ổn định trong quý 2, trong khi nợ nhóm 2 cải thiện đáng kể. Tỷ lệ nợ xấu tăng 1 điểm cơ bản QoQ, lên 1,86% (-19 điểm cơ bản YoY), trong khi tỷ lệ nợ nhóm 2 trên tổng dư nợ giảm từ 2,46% trong quý 1 xuống còn 1,89% trong quý 2 (+9 điểm cơ bản YoY). Chất lượng tài sản cải thiện mà không cần gia tăng đáng kể chi phí tín dụng, với chi phí dự phòng 6T 2026 gần như đi ngang YoY (+0,5%), còn chi phí dự phòng quý 2/2026 giảm 6,1% YoY. Điều này cho thấy việc xử lý nợ chủ yếu đến từ thu hồi nợ, thay vì tăng trích lập dự phòng mới. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

VEA: Lợi nhuận quý 2 tăng 5% YoY trong bối cảnh lợi nhuận từ các công ty liên kết đi ngang - Báo cáo KQKD

* Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam (VEA) ghi nhận doanh thu quý 2 tăng 25% YoY lên mức 1,3 nghìn tỷ đồng, trong khi LNST sau lợi ích CĐTS tăng 5% YoY lên mức 2,2 nghìn tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh cốt lõi tiếp tục cải thiện, với lợi nhuận từ HĐKD chuyển sang mức dương 41 tỷ đồng (từ mức lỗ 5 tỷ đồng trong cùng kỳ năm trước). Kết quả này phản ánh tiến triển đáng kể trong việc đẩy mạnh hoạt động bán hàng và đấu giá nhằm xử lý hàng tồn kho chậm luân chuyển và lỗi thời. Lợi nhuận từ các công ty liên kết nhìn chung đi ngang (+1% YoY), do lợi nhuận của Toyota tăng mạnh 153% YoY nhưng bị bù trừ bởi lợi nhuận của Honda giảm 7% YoY và lợi nhuận từ Ford cùng các công ty liên kết khác giảm 3% YoY. Mức đóng góp thấp hơn từ Ford chủ yếu phản ánh mức nền so sánh cao hơn là do lợi nhuận suy giảm, vì cổ tức của công ty được trả vào quý 2 năm ngoái nhưng vẫn chưa được trả trong năm nay. Lợi nhuận ngoài HĐKD tăng 14% YoY, nhờ được hỗ trợ bởi mức tăng 30% YoY của thu nhập tài chính ròng trong bối cảnh lãi suất tiền gửi duy trì ở mức cao.

* Về doanh số bán ra thị trường trong quý 2, doanh số ô tô sử dụng động cơ đốt trong đã ghi nhận mức giảm 6% YoY trên toàn ngành sau khi tăng trưởng mạnh trong quý 1, trong bối cảnh tâm lý tiêu dùng suy yếu và áp lực cạnh tranh từ các phương tiện chạy điện ngày càng gia tăng. Sản lượng bán xe máy của Honda nhìn chung đi ngang YoY, thấp hơn mức tăng trưởng 4% YoY của toàn thị trường. Chúng tôi cho rằng kết quả này phản ánh áp lực mang tính cơ cấu đối với danh mục xe máy động cơ đốt trong phổ thông của Honda, khi xe hai bánh hybrid/điện ngày càng phổ biến và các mẫu ô tô điện cỡ nhỏ có giá phải chăng đang trở thành những lựa chọn thay thế khả thi cho nhu cầu di chuyển trong đô thị.

* Trong 6T 2026, doanh thu đã tăng 23% YoY lên mức 2,6 nghìn tỷ đồng, nhờ sự cải thiện của hoạt động kinh doanh cốt lõi. Kết quả doanh thu này đã hoàn thành 57% dự báo cả năm của chúng tôi và nhìn chung cao hơn kỳ vọng. LNST sau lợi ích CĐTS tăng 17% YoY lên mức 4,0 nghìn tỷ đồng, nhờ mức tăng 15% YoY của lợi nhuận từ các công ty liên kết và mức tăng 28% YoY của thu nhập tài chính ròng. LNST sau lợi ích CĐTS đã hoàn thành 55% dự báo cả năm của chúng tôi và cao hơn nhẹ so với kỳ vọng. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

VIC: Doanh thu mảng BĐS tăng trưởng mạnh và khoản lãi từ việc chuyển nhượng mảng sản xuất của VinFast giúp bù đắp khoản lỗ mảng công nghiệp cao hơn dự kiến trong quý 2/2026 - Báo cáo KQKD & Hợp Gộp gỡ NĐT

Tập đoàn Vingroup (VIC) báo cáo LNST sau lợi ích CĐTS quý 2/2026 đạt 10,0 nghìn tỷ đồng (+37% QoQ và so với khoản lỗ ròng 941 tỷ đồng trong quý 2/2025), được hỗ trợ bởi (1) lợi nhuận mảng BĐS tăng mạnh từ việc ghi nhận giao dịch bán lô lớn tại Green Paradise, cùng với hoạt động bán giao bán lẻ, (2) lợi nhuận từ HĐKD mảng khách sạn nghỉ dưỡng ổn định so với quý trước, (3) lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính và chuyển nhượng công ty con đạt 15,9 nghìn tỷ đồng, trong đó khoảng 2/3 đến từ khoản lãi do chuyển nhượng tài sản mảng sản xuất tại Việt Nam của VinFast, và (4) khoản tài trợ từ Chủ tịch cho VinFast trị giá 7,5 nghìn tỷ đồng trong quý, qua đó bù đắp (5) các khoản lỗ tăng so với cùng kỳ từ mảng công nghiệp và (6) chi phí tài chính gia tăng.

Trong 6T 2026, LNST sau lợi ích CĐTS của VIC tăng 186% YoY lên 17,3 nghìn tỷ đồng, chủ yếu nhờ (1) doanh số bán BĐS tích cực, (2) lợi nhuận từ HĐKD dương của mảng khách sạn nghỉ dưỡng, (3) doanh thu tài chính tăng so với cùng kỳ, (4) khoản tài trợ từ Chủ tịch cho VinFast trị giá 12,5 nghìn tỷ đồng trong 6T 2026, qua đó bù đắp nhiều hơn cho (5) các khoản lỗ từ mảng công nghiệp và (6) chi phí tài chính.

LNST sau lợi ích CĐTS 6T 2026 của VIC đã hoàn thành 64% dự báo cả năm 2026 của chúng tôi. Chúng tôi nhận thấy không có thay đổi đáng kể đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 hiện tại (26,8 nghìn tỷ đồng; +136% YoY), dù cần thêm đánh giá chi tiết.

* Mảng bất động sản: Xem thêm chi tiết tại Báo cáo KQKD của VHM ngày 30/07 của chúng tôi.

* Mảng khách sạn nghỉ dưỡng:

- Doanh thu quý 2/2026 đạt 3,45 nghìn tỷ đồng (đi ngang QoQ và +24% YoY), trong khi lợi nhuận từ HĐKD đạt 505 tỷ đồng (đi ngang QoQ và +172% YoY). Theo ban lãnh đạo, mức cải thiện YoY chủ yếu được thúc đẩy bởi (1) lượng khách du lịch quốc tế đến các cơ sở Vinpearl tăng, (2) doanh thu MICE tăng 33% YoY, và (3) doanh thu ngoài vé tăng, đặc biệt tại hai cụm trọng điểm Nha Trang và Phú Quốc.

- Doanh thu 6T 2026 tăng 36% YoY lên 7,2 nghìn tỷ đồng, trong khi lợi nhuận từ HĐKD đạt 1,0 nghìn tỷ đồng, lần lượt hoàn thành 49% và 54% dự báo cả năm 2026 của chúng tôi, phù hợp với kỳ vọng.

* Mảng công nghiệp:

- Kết quả bàn giao xe: Trong quý 2/2026, VinFast đã bàn giao 70.085 ô tô điện trên toàn cầu (+20% QoQ; +96% YoY) và 286.039 xe máy điện (gấp 2 lần QoQ và gấp 4 lần YoY). Trong 6T 2026, tổng lượng bàn giao ô tô điện toàn cầu đạt 128.662 xe (+78% YoY; tương đương 46% dự báo cả năm của chúng tôi), trong đó thị trường Việt Nam chiếm 90%; lượng bàn giao xe máy điện đạt 429.175 xe (+275% YoY; hoàn thành 43% dự báo năm 2026 của chúng tôi). Ban lãnh đạo hiện chưa công bố thông tin chi tiết về lượng bàn giao cho các bên liên quan. Chúng tôi nhận thấy không có thay đổi đáng kể đối với dự báo bàn giao ô tô điện và xe máy điện toàn cầu năm 2026, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

- Mảng này ghi nhận biên hoạt động ở mức -95% trong quý 2/2026, so với mức -63% trong quý 1/2026 và -71% trong quý 2/2025, do doanh thu hoãn lại cao hơn, trích lập dự phòng bảo hành và điều chỉnh giá trị hàng tồn kho.

- Biên gộp của mảng trong 6T 2026 đạt -45%, so với mức -35% trong 6T 2025. Theo ban lãnh đạo, biên gộp điều chỉnh (điều chỉnh cho phần doanh thu hoãn lại chưa được ghi nhận) trong 6T 2026 là -29%, so với mức -33% trong 6T 2025.

* Chuyển nhượng tài sản mảng sản xuất tại Việt Nam của VinFast: Vào tháng 6/2026, VinFast đã hoàn tất việc tách và chuyển nhượng mảng sản xuất tại Việt Nam cho một nhóm nhà đầu tư, phù hợp với kế hoạch đã công bố vào tháng 5/2026 (Vui lòng xem thông tin chi tiết trong Bản tin chứng khoán ngày 13/05/2026 của chúng tôi). Sau giao dịch này, nợ vay liên quan đến mảng sản xuất tại Việt Nam không còn được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán của VIC tại cuối quý 2/2026. Giao dịch này cũng ghi nhận khoản lãi tài chính vào KQKD quý 2/2026 của VIC. Báo cáo cập nhật gần nhất về VIC của chúng tôi đã phản ánh tác động của việc tách mảng này đối với bảng cân đối kế toán, nhưng trước đó chúng tôi giả định rằng sẽ không ghi nhận khoản lãi không bằng tiền bất thường này vào báo cáo KQKD của VIC.

* Các khoản tài trợ từ Chủ tịch cho VinFast: Sau thông báo vào tháng 11/2024 về thỏa thuận hỗ trợ vốn mới, bao gồm khoản tài trợ lên tới 50 nghìn tỷ từ Chủ tịch VIC cho VinFast đến hết năm 2026, Tính đến cuối quý 2/2026, Chủ tịch VIC đã giải ngân lũy kế 40,5 nghìn tỷ đồng cho VinFast. Các khoản giải ngân bao gồm 5,2 nghìn tỷ đồng trong quý 4/2024, 23 nghìn tỷ đồng trong năm 2025, 5,0 nghìn tỷ đồng trong quý 1/2026 và khoản giải ngân mới 7,5 nghìn tỷ đồng trong quý 2/2026.

* Dư nợ vay: Tính đến cuối quý 2/2026, tổng nợ vay của VIC đạt 356 nghìn tỷ đồng (đi ngang so với quý trước và +5% so với đầu năm), với các khoản nợ vay bằng USD chưa được phòng vệ tỷ giá chiếm 14,5% tổng nợ vay. Về kỳ hạn nợ vay, không bao gồm các khoản vay hạn mức tín dụng, tổng nợ vay đáo hạn trong 12 tháng tới đạt 52,5 nghìn tỷ đồng, trong đó trái phiếu trong nước là 25,5 nghìn tỷ đồng, các khoản vay hợp vốn và trái phiếu quốc tế là 8,1 nghìn tỷ đồng, và 19,0 nghìn tỷ đồng còn lại đến từ vay ngân hàng và các khoản vay khác. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

VTP: Lợi nhuận tiếp tục suy yếu do mức giảm của biên lợi nhuận mảng dịch vụ và sự gia tăng của chi phí bán hàng & quản lý doanh nghiệp - Báo cáo KQKD

* Tổng Công ty cổ phần Bưu chính Viettel (VTP) tiếp tục ghi nhận đà tăng trưởng doanh thu nhưng khả năng sinh lời lại suy yếu trong quý 2/2026. Doanh thu thuần tăng 10% YoY, đạt 5,5 nghìn tỷ đồng, trong khi LNST sau lợi ích CBTS giảm 25% YoY xuống mức 73 tỷ đồng. Tăng trưởng doanh thu được dẫn dắt bởi mảng dịch vụ (+22% YoY), qua đó bù đắp việc công ty tiếp tục thu hẹp quy mô của mảng thương mại (-24% YoY). Lợi nhuận tiếp tục chịu áp lực trong quý thứ hai liên tiếp, chủ yếu do: (1) biên lợi nhuận gộp mảng dịch vụ giảm 1,3 điểm % YoY, xuống còn 5,9%; và (2) chi phí bán hàng & quản lý doanh nghiệp tăng 30% YoY, khiến tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý doanh nghiệp trên doanh thu tăng 0,6 điểm % YoY lên mức 3,8%. Do đó, biên lợi nhuận ròng thu hẹp 0,6 điểm % YoY, xuống còn 1,3%.

* KQKD theo từng mảng trong quý 2/2026:

- Mảng dịch vụ:

+ Doanh thu tăng 22% YoY, một phần nhờ đóng góp từ các dịch vụ mới triển khai, bao gồm quan hệ hợp tác gần đây với FedEx. Hoạt động hợp tác này dự kiến mang lại khoảng 2 triệu đơn hàng mỗi năm, tương ứng doanh thu tiềm năng khoảng 400-500 tỷ đồng.

+ Tuy nhiên, lợi nhuận gộp của mảng dịch vụ giảm 1% YoY, trong khi biên lợi nhuận gộp giảm 1,3 điểm % YoY, xuống còn 5,9%, chủ yếu do: (1) giá nhiên liệu biến động và chi phí nhân công tăng; và (2) theo quan điểm của chúng tôi, các dịch vụ mới ra mắt và hợp tác chiến lược gần đây (như thương mại điện tử, kinh doanh xuyên biên giới và nước ngoài, hợp tác với FedEx) cũng gây áp lực lên biên lợi nhuận thông qua các khoản lỗ vận hành ban đầu và chi phí trong giai đoạn mở rộng quy mô hoạt động.

- Mảng thương mại: Doanh thu giảm 24% YoY khi VTP tiếp tục thu hẹp hoạt động kinh doanh thẻ cào điện thoại. Tuy nhiên, biên lợi nhuận gộp của mảng thương mại đã cải thiện 2,2 điểm % YoY lên 2,9%, do cơ cấu kinh doanh đã dịch chuyển khỏi mảng thẻ cào điện thoại có biên lợi nhuận thấp này.

* Trong 6T 2026, doanh thu thuần đã tăng nhẹ 2% YoY lên mức 10.230 tỷ đồng, trong khi LNST sau lợi ích CBTS giảm 33% YoY xuống còn 112 tỷ đồng, lần lượt hoàn thành 46% và 31% dự báo cả năm của chúng tôi và nhìn chung thấp hơn so với kỳ vọng của chúng tôi. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

FPT: Nhật Bản, châu Âu dẫn dắt đà phục hồi của doanh thu ký mới mảng CNTT nước ngoài; tiềm năng thiết lập quan hệ hợp tác công nghệ mới nhằm củng cố năng lực AI - Báo cáo Gặp gỡ HĐQT

1. Dịch vụ CNTT nước ngoài:

* KQKD nửa đầu năm 2026 (6T 2026): Doanh thu báo cáo của mảng CNTT nước ngoài tăng 13% YoY, trong khi doanh thu ký mới tăng 32% YoY trong 6T 2026. FPT cho biết sự chênh lệch giữa hai tốc độ tăng trưởng này xuất phát từ việc các hợp đồng ngày càng có quy mô lớn hơn và thời lượng dài hơn, đặc biệt là các hợp đồng liên quan đến hạ tầng và tích hợp hệ thống (SI).

* Doanh thu ký mới theo thị trường trong 6T 2026: Nhật Bản là động lực tăng trưởng chính, với doanh thu ký mới tăng khoảng 40% YoY nhờ ký kết các hợp đồng lớn. Châu Âu & Trung Đông tăng khoảng 50% YoY. FPT đánh giá triển vọng tại Trung Đông là tích cực, khi công ty ngày càng tham gia vào nhiều cuộc đấu thầu cho các dự án chuyển đổi số trị giá hàng triệu USD. Trong bối cảnh bất ổn địa chính trị, một số đối thủ trở nên thận trọng hơn trong việc cử nhân viên đến khu vực này, khiến tiến độ triển khai dự án bị chậm lại. Thị trường Mỹ tăng khoảng 20% YoY với đà phục hồi dần dần diễn ra. Trong khi đó, khu vực châu Á – Thái Bình Dương giảm nhẹ ở mức một chữ số YoY, mặc dù FPT đã ký hợp đồng về nhà máy AI trị giá 20 triệu USD.

* Quan hệ hợp tác công nghệ: Bên cạnh các quan hệ hợp tác công nghệ hiện hữu, như với NVIDIA, Microsoft và SAP, FPT cũng đang trong quá trình trở thành đối tác của OpenAI và Anthropic. Đối với OpenAI, FPT tập trung vào lĩnh vực an ninh mạng, trong đó công ty sẽ ứng dụng các mô hình mới nhất của OpenAI để giải quyết các vấn đề an ninh mạng của khách hàng. Ban lãnh đạo đặt mục tiêu mang về hơn 10 triệu USD doanh thu từ dịch vụ an ninh mạng mới này trong nửa cuối năm 2026.

* Một số hợp đồng mới đáng chú ý trong 6T 2026:

- Hợp đồng AI: FPT ký một hợp đồng AI trị giá hàng triệu USD với một nhà sản xuất vật liệu toàn cầu nhằm triển khai nền tảng FleziPT, hỗ trợ khách hàng chuyển đổi sang mô hình vận hành dựa trên tác nhân AI.

- Hợp đồng an ninh mạng: FPT ký kết hợp đồng an ninh mạng trị giá 1 triệu USD với một trong những đối tác tích hợp hệ thống lớn nhất tại Nhật Bản.

- Hợp đồng hiện đại hóa hệ thống cũ: Trong tháng 7, FPT đã ký kết dự án hiện đại hóa hệ thống kế toán cho một trong ba hãng ô tô lớn nhất Nhật Bản. Khác với vai trò truyền thống là nhà thầu phụ, FPT là nhà thầu chính trong dự án này, chịu trách nhiệm cung cấp phương pháp hiện đại hóa, thực hiện đánh giá và triển khai các công cụ ứng dụng AI. Trong khi đó, Hitachi – một doanh nghiệp tích hợp hệ thống lớn tại Nhật Bản – hỗ trợ công tác quản lý dự án.

* Nhân sự:

- Tối ưu hóa nguồn nhân lực: FPT đang chuyển các dự án có thời hạn trên năm năm từ các thành phố nhóm 1, gồm TP.HCM và Hà Nội, sang các thành phố nhóm 2 như Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang và Cần Thơ. Công ty sử dụng AI để lưu trữ kiến thức liên quan đến dự án và hỗ trợ các kỹ sư mới. Sáng kiến này cho phép FPT điều chuyển 15% kỹ sư cấp cao sang các công việc có giá trị gia tăng cao hơn, đồng thời nâng cao hiệu quả chi phí.

- Tuyển dụng: Từ đầu năm đến nay, FPT đã tuyển thêm khoảng 800 nhân sự cho mảng CNTT nước ngoài, bao gồm các kỹ sư Việt Nam và chuyên gia tại Nhật Bản, Đức, Anh và Mỹ.

- Tỷ lệ nghỉ việc: Tỷ lệ nhân viên nghỉ việc trong 12 tháng gần nhất duy trì ở mức khoảng 11%.

2. Các mảng kinh doanh khác:

* CNTT trong nước: LNTT 6T 2026 tăng 101% YoY, chủ yếu nhờ nhà máy AI bắt đầu ghi nhận lãi ròng trong quý 2/2026.

* Giáo dục: Doanh thu mảng giáo dục giảm 6% YoY xuống còn 3.316 tỷ đồng trong 6T 2026.

* Nhà máy AI:

- FPT ghi nhận khoảng 12 triệu USD doanh thu từ nhà máy AI trong 6T 2026 và ghi nhận lãi ròng trong quý 2/2026. Công ty kỳ vọng hai cụm nhà máy AI hiện hữu sẽ mang lại doanh thu hằng năm khoảng 25-30 triệu USD.

- FPT có thể đầu tư thêm các cụm nhà máy AI mới sau khi bảo đảm được nhu cầu khách hàng và tỷ lệ sử dụng đủ cao. Hiện châu Âu và khu vực châu Á – Thái Bình Dương được đánh giá là những thị trường có tiềm năng mở rộng lớn nhất.

* FPT Telecom: FPT hiện không có kế hoạch thoái vốn khỏi FPT Telecom.

3. Các nội dung thảo luận khác:

* Mua cổ phiếu quỹ: FPT có thể cân nhắc mua cổ phiếu quỹ nhằm gia tăng giá trị cho cổ đông nếu điều kiện phù hợp.

* Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiệu dụng trong 6T 2026 tăng YoY chủ yếu do: (1) Không còn khoản hoàn thuế, so với khoản hoàn thuế khoảng 2 triệu USD mà FPT Nhật Bản nhận được trong 6T 2025; (2) thời hạn ưu đãi miễn thuế tại một cơ sở của FPT Software ở Việt Nam đã kết thúc; và (3) lợi nhuận mảng giáo dục giảm tốc (vốn là mảng chịu thuế suất thấp hơn các mảng khác).

4. Quan điểm của chúng tôi:

* Cuộc họp này củng cố kỳ vọng của chúng tôi rằng doanh thu AI trong mảng CNTT nước ngoài của FPT sẽ tiếp tục tăng trong trung hạn. Chúng tôi có quan điểm tích cực về tiềm năng FPT mở rộng quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp AI hàng đầu. Điều này có thể sẽ giúp công ty tiếp cận các mô hình và công nghệ AI mới nhất, qua đó củng cố năng lực AI, đồng thời hỗ trợ công ty ký kết các hợp đồng liên quan đến AI và thương mại hóa các dịch vụ AI. Ngoài ra, chúng tôi cho rằng việc ứng dụng AI để tối ưu hóa nguồn nhân lực sẽ giúp cải thiện hiệu quả sử dụng nguồn lực và hỗ trợ biên lợi nhuận của mảng CNTT nước ngoài. Nhìn chung, chúng tôi cho rằng sẽ không có sự thay đổi đáng kể đối với dự báo năm 2026 của chúng tôi, dù vẫn cần thêm các đánh giá chi tiết.

* Chúng tôi hiện có khuyến nghị MUA đối với FPT, với giá mục tiêu là 90.300 đồng/cổ phiếu. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

Giá mục tiêu & Khuyến nghị - Cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Ngành	Room NN	GTVH tr USD	GTGD/ 30N trUSD	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Tỷ lệ tăng	Lợi suất cổ tức	Tổng mức sinh lời	Khuyến nghị	Ngày báo cáo gần nhất	P/E 2025	P/E 2026	P/E Ngành trượt 12T*	P/B trượt 12T
STK	Dệt may	83%	52	0.0	8,890	25,500	187%	0.0%	187%	KQ	17/01/25	25.2	6.0	11.5	0.8
KDH	Bất động sản	25%	744	3.9	17,450	42,600	144%	0.0%	144%	MUA	11/05/26	19.7	13.0	18.1	1.1
NLG	Bất động sản	9%	409	1.7	22,200	45,800	106%	2.3%	109%	MUA	11/05/26	12.9	15.8	18.1	0.9
HDC	Bất động sản	48%	99	0.7	11,400	21,400	88%	0.0%	88%	KQ	09/01/26	4.1	8.4	18.1	0.9
VGC	KCN	48%	645	0.6	37,850	66,800	76%	5.8%	82%	MUA	11/05/26	12.7	10.6	12.7	2.0
GEX	Điện & Nước	44%	1,118	13.7	22,500	40,500	80%	2.2%	82%	MUA	06/07/26	20.1	19.9	10.9	1.5
DPG	Điện & Nước	30%	125	0.6	27,700	48,900	77%	2.2%	79%	MUA	11/06/26	8.5	8.9	12.7	1.1
HDG	Điện & Nước	34%	250	1.4	16,150	28,700	78%	0.0%	78%	MUA	16/07/26	9.6	12.1	18.1	1.0
PVS	Dầu khí	33%	662	4.1	34,100	60,000	76%	0.0%	76%	MUA	08/05/26	12.0	11.8	14.6	1.1
BMI	Bảo hiểm	23%	77	0.1	13,450	23,100	72%	3.7%	75%	MUA	12/04/24	9.0	5.3	14.1	0.7
PLC	Dầu khí	49%	58	0.1	18,800	31,900	70%	5.3%	75%	MUA	12/09/25	111.9	6.0	11.5	1.1
DCM	Phân bón	43%	617	2.8	30,700	51,000	66%	8.1%	74%	MUA	25/05/26	9.0	5.6	11.5	1.4
PVT	Dầu khí	36%	359	2.2	18,300	30,800	68%	5.5%	74%	MUA	13/03/26	8.7	6.0	10.9	1.0
HVN	Hàng không	22%	2,541	1.3	21,500	37,100	73%	0.0%	73%	KQ	22/07/25	9.2	7.7	19.3	7.1
IDC	KCN	34%	517	1.8	32,600	52,700	62%	9.2%	71%	MUA	04/06/26	7.1	6.9	18.1	2.0
HPG	VLXD	27%	6,960	20.4	21,700	35,400	63%	2.1%	65%	MUA	12/05/26	12.1	7.2	13.1	1.3
DXG	Bất động sản	32%	496	4.8	10,300	17,000	65%	0.0%	65%	MUA	12/06/26	53.3	55.7	18.1	0.9
CTG	Ngân hàng	5%	9,088	11.1	30,800	50,000	62%	0.0%	62%	MUA	15/05/26	7.9	6.8	11.8	1.2
MBB	Ngân hàng	1%	6,885	13.5	22,500	36,000	60%	2.2%	62%	MUA	21/05/26	6.8	5.6	11.8	1.2
PTB	Công nghiệp	10%	128	0.1	33,500	52,000	55%	6.3%	61%	KQ	06/10/25	4.5	5.8	13.1	1.0
PNJ	Bán lẻ	6%	603	14.5	31,000	46,500	50%	6.5%	56%	PHTT	12/07/26	6.0	5.4	8.8	1.1
VPB	Ngân hàng	7%	7,475	17.3	24,800	38,000	53%	2.0%	55%	MUA	18/05/26	8.2	6.4	11.8	1.1
MSN	Bán lẻ	76%	3,667	12.5	66,100	101,200	53%	0.0%	53%	MUA	21/05/25	23.3	22.5	10.9	2.4
DXS	Bất động sản	43%	126	0.4	5,750	8,800	53%	0.0%	53%	KQ	11/06/26	9.8	8.5	18.1	0.5
TCB	Ngân hàng	1%	7,793	17.8	28,950	42,600	47%	4.8%	52%	MUA	11/05/26	8.1	7.1	11.8	1.2
VTP	GTVT	45%	368	0.9	48,000	71,800	50%	0.0%	50%	PHTT	25/05/26	20.0	23.9	10.9	5.5
KBC	KCN	42%	995	2.6	27,800	40,400	45%	3.6%	49%	MUA	01/06/26	12.4	10.8	18.1	1.1

ACG	Gỗ	12%	183	0.0	31,950	45,800	43%	5.3%	49%	MUA	15/07/25	10.1	8.0	13.1	1.1
PHR	Công nghiệp	37%	292	0.8	56,800	82,700	46%	2.3%	48%	MUA	15/07/26	17.5	4.9	11.5	1.8
SAB	Đồ uống/Thực phẩm	41%	2,122	1.0	43,550	59,000	35%	11.5%	47%	MUA	06/01/26	13.0	12.4	11.7	2.9
NT2	Điện & Nước	39%	230	0.4	21,000	28,800	37%	9.5%	47%	MUA	28/05/26	5.6	6.7	11.6	1.1
REE	Điện & Nước	0%	1,100	1.2	46,500	66,900	44%	2.2%	46%	MUA	22/04/26	11.5	10.1	10.9	1.3
MWG	Bán lẻ	0%	3,919	16.2	69,900	101,000	44%	1.4%	46%	MUA	14/10/25	14.5	12.3	10.0	2.9
SZC	KCN	19%	121	0.3	17,650	24,700	40%	5.7%	46%	KQ	01/07/26	10.0	24.2	18.1	1.1
FRT	Bán lẻ	17%	845	1.9	124,400	180,100	45%	0.0%	45%	MUA	17/06/26	26.7	18.5	10.0	4.6
NVL	Bất động sản	44%	1,186	7.8	13,000	18,600	43%	0.0%	43%	MUA	18/06/26	16.1	21.0	18.1	0.7
VRE	Bất động sản	38%	2,141	4.6	24,800	34,200	38%	4.0%	42%	PHTT	29/05/26	8.7	10.2	18.1	1.1
QTP	Điện & Nước	-1%	190	0.1	11,100	14,600	32%	9.0%	41%	MUA	10/12/25	4.9	7.6	11.6	0.9
VHC	Đồ uống/Thực phẩm	81%	419	0.5	52,600	71,600	36%	3.8%	40%	MUA	26/01/26	8.6	6.7	11.7	1.2
SSI	Chứng khoán	70%	2,238	21.8	23,550	31,600	34%	4.2%	38%	MUA	16/07/26	13.8	15.1	15.7	1.5
FPT	CNTT	22%	4,370	23.0	67,100	90,300	35%	3.4%	38%	MUA	08/06/26	12.9	11.3	13.6	2.9
CTR	CNTT	44%	350	0.7	71,900	96,800	35%	2.1%	37%	KQ	14/04/26	13.7	11.8	12.7	4.1
BVH	Bảo hiểm	22%	1,695	0.8	60,100	81,000	35%	1.8%	37%	MUA	11/06/26	16.1	12.1	14.1	1.7
F88	Tài chính TT	42%	607	0.4	71,800	98,000	36%	0.0%	36%	MUA	25/06/26	22.0	13.5	15.7	5.3
TLG	Văn phòng phẩm	89%	176	0.2	48,100	61,900	29%	7.3%	36%	MUA	12/09/25	10.3	7.8	8.8	1.8
DGC	Công nghiệp	45%	564	1.2	39,100	52,100	33%	2.6%	36%	KQ	20/07/26	5.2	7.8	11.5	0.9
GAS	Dầu khí	47%	6,288	3.5	68,600	90,000	31%	4.4%	36%	MUA	29/07/26	15.3	13.0	11.6	2.4
TPB	Ngân hàng	8%	1,486	6.1	14,100	18,600	32%	3.5%	35%	MUA	20/05/26	5.3	5.0	11.8	0.9
MCH	Bán lẻ	84%	7,003	8.4	141,000	181,700	29%	4.3%	33%	PHTT	28/11/25	27.3	23.9	11.7	9.9
PVD	Dầu khí	42%	640	7.9	18,150	24,150	33%	0.0%	33%	MUA	09/04/26	11.2	15.1	14.6	1.0
HDB	Ngân hàng	5%	4,792	16.6	25,200	33,000	31%	2.0%	33%	MUA	06/03/26	7.0	6.0	11.8	1.5
BID	Ngân hàng	12%	10,509	5.8	38,000	50,500	33%	0.0%	33%	MUA	21/05/26	10.0	9.2	11.8	1.4
VCB	Ngân hàng	10%	18,823	9.0	59,300	78,500	32%	0.0%	32%	MUA	18/05/26	15.3	12.8	11.8	2.0
POW	Điện & Nước	45%	1,585	7.2	13,600	18,000	32%	0.0%	32%	MUA	29/05/26	17.4	14.5	11.6	1.0
TV2	Điện & Nước	8%	66	0.2	25,700	33,000	28%	3.9%	32%	KQ	13/07/26	29.2	20.0	10.9	1.4
AST	DV Hàng không	3%	131	0.0	64,000	80,600	26%	5.5%	31%	MUA	26/08/25	11.5	11.2	10.0	4.8

SCS	DV Hàng không	22%	158	0.2	43,400	51,200	18%	12.7%	31%	PHTT	13/01/26	5.5	5.9	19.3	2.7
PPC	Điện & Nước	45%	107	0.0	8,820	11,000	25%	5.7%	30%	KQ	10/12/25	17.4	8.7	11.6	0.6
SIP	KCN	47%	442	0.2	48,100	58,900	22%	6.2%	29%	MUA	20/07/26	9.4	9.4	18.1	2.4
VIB	Ngân hàng	2%	1,875	6.5	14,500	18,500	28%	0.0%	28%	KQ	23/05/25	6.8	5.6	11.8	1.0
GMD	GTVT	8%	1,248	5.9	77,000	95,500	24%	3.2%	27%	MUA	25/05/26	20.9	13.6	10.9	2.4
PLX	Xăng dầu	6%	1,607	2.6	33,300	41,100	23%	3.6%	27%	MUA	13/10/25	17.3	14.5	14.6	1.7
ACB	Ngân hàng	6%	4,829	15.0	21,900	27,100	24%	3.2%	27%	MUA	21/05/26	7.3	6.4	11.8	1.3
DGW	Bán lẻ	25%	307	1.0	36,600	45,400	24%	2.7%	27%	KQ	18/06/26	14.8	12.6	10.0	2.2
DHC	Công nghiệp	16%	133	0.4	32,900	40,100	22%	4.0%	26%	MUA	16/12/25	8.1	7.8	13.1	1.4
DPM	Phân bón	47%	608	2.9	23,550	28,000	19%	6.4%	25%	PHTT	25/05/26	18.0	9.9	11.5	1.4
ACV	Hàng không	47%	5,359	0.8	39,200	48,000	22%	0.0%	22%	PHTT	18/05/26	12.5	12.4	10.9	1.9
BWE	Điện & Nước	47%	414	0.7	43,350	51,600	19%	3.0%	22%	MUA	13/05/26	11.2	12.0	11.6	1.8
VNM	Đồ uống/Thực phẩm	51%	4,835	10.4	60,900	70,300	15%	6.6%	22%	MUA	24/04/25	13.5	14.5	11.7	4.0
QNS	Đồ uống/Thực phẩm	41%	658	0.2	47,200	53,400	13%	8.5%	22%	KQ	30/08/24	9.0	6.8	11.7	1.6
NKG	VLXD	45%	205	0.7	10,950	13,100	20%	0.0%	20%	PHTT	18/04/25	24.9	8.5	13.1	0.7
GVR	Công nghiệp	12%	4,179	1.7	27,500	32,100	17%	1.5%	18%	PHTT	20/07/26	20.7	16.1	11.5	1.8
BMP	VLXD	17%	477	0.8	153,300	163,000	6%	10.1%	16%	MUA	17/06/26	10.3	9.8	12.7	4.4
PC1	Điện & Nước	41%	334	2.8	21,400	24,700	15%	0.0%	15%	KQ	21/07/26	9.5	14.5	12.7	1.3
BSR	Lọc hóa dầu	48%	4,822	9.1	25,350	27,000	7%	2.8%	9%	PHTT	18/03/26	24.5	7.8	14.6	1.7
VHM	Bất động sản	43%	23,108	29.6	148,100	153,700	4%	4.1%	8%	PHTT	29/05/26	14.5	11.1	18.1	2.3
TDM	Điện & Nước	49%	275	0.2	59,200	60,600	2%	2.2%	5%	KQ	13/05/26	34.0	33.0	11.6	2.8
VEA	Ô-tô	48%	1,738	0.3	34,400	30,800	-10%	14.0%	4%	PHTT	28/10/25	6.2	6.4	10.9	1.9
STB	Ngân hàng	19%	5,106	11.6	71,300	73,500	3%	0.0%	3%	PHTT	18/05/26	25.0	22.5	11.8	2.1
HSG	VLXD	46%	328	1.3	10,700	10,400	-3%	4.7%	2%	PHTT	18/04/25	13.8	14.7	13.1	0.7
OIL	Dầu khí	6%	514	1.0	13,000	12,700	-2%	0.8%	-2%	KQ	17/10/25	31.7	28.7	14.6	1.3
VJC	Hàng không	24%	3,652	13.7	125,000	114,000	-9%	0.0%	-9%	KQ	15/03/24	34.8	14.0	19.3	3.7
LPB	Ngân hàng	4%	5,878	19.3	51,800	39,300	-24%	1.9%	-22%	KKQ	18/11/25	13.7	14.3	11.8	3.6
VIC	Bất động sản	45%	63,132	37.4	214,100	110,000	-49%	0.0%	-49%	BÁN	12/06/26	140.9	60.7	18.1	9.8

Nguồn: Fiinpro, Vietcap (phân loại ngành của Vietcap; khuyến nghị của chuyên viên phân tích được công bố trong báo cáo cập nhật gần nhất), KQ: KHẢ QUAN, PHTT: PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG, KKQ: KÉM KHẢ QUAN, KĐG: KHÔNG ĐÁNH GIÁ. *P/E trượt của ngành dựa trên phân loại của ICB, có thể khác với phân loại ngành của Vietcap

Thống kê Danh mục khuyến nghị của Vietcap

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
MUA	51	126.748	2.485	20	13,5	10,6	9,0	15,2	1,5	19,7	15,1	11,5	1,8	3,5%
KHẢ QUAN	17	11.771	692	2	10,3	11,4	9,2	14,3	1,9	19,2	15,8	13,2	1,9	2,4%
PHÙ HỢP TT	14	55.727	3.980	3	18,6	15,4	12,0	17,2	2,2	24,1	16,3	12,8	2,5	4,3%
KÉM KHẢ QUAN	1	5.878	5.878	0	16,8	13,7	14,3	10,4	3,6	16,8	13,7	14,3	3,6	1,9%
BÁN	1	63.132	63.132	1	133,8	140,9	60,7	72,4	9,8	133,8	140,9	60,7	9,8	0,0%
TỔNG CỘNG	84	263.255	3.134	26	18,4	15,1	12,3	16,9	2,1	21,7	16,9	12,7	2,0	3,3%

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
Ngân hàng	12	84.538	7.045	11	11,1	9,5	8,2	12,8	1,5	10,8	10,1	9,0	1,5	1,6%
Bảo hiểm	2	1.772	886	1	20,4	15,5	11,4	21,2	1,6	15,4	12,5	8,7	1,2	2,7%
Chứng khoán	1	2.238	2.238	1	18,9	13,8	15,1	18,5	1,5	18,9	13,8	15,1	1,5	4,2%
Tài chính thay thế	1	607	607	0	45,0	22,0	13,5	30,0	5,3	45,0	22,0	13,5	5,3	0,0%
Tiêu dùng	13	26.641	2.049	4	17,1	14,8	13,7	19,4	3,2	20,7	14,4	12,4	3,1	5,3%
CNTT	1	4.370	4.370	1	15,7	12,9	11,3	17,4	2,9	15,7	12,9	11,3	2,9	3,4%
Bất động sản	9	91.443	10.160	2	58,0	37,0	26,0	26,2	4,1	33,9	31,1	22,7	2,0	1,1%
Vật liệu	4	7.970	1.992	1	15,3	12,2	7,5	19,0	1,3	13,5	15,3	10,1	1,8	4,2%
Điện & Nước	12	5.794	483	1	19,9	12,8	12,9	18,4	1,2	25,4	14,9	14,0	1,3	3,3%
Dầu khí	10	16.176	1.618	2	22,6	16,6	10,3	20,9	1,7	33,0	26,0	11,8	1,4	3,7%
Công nghiệp	5	1.060	212	0	6,9	6,1	7,4	8,8	1,0	11,1	10,6	7,1	1,0	3,6%
Khu công nghiệp	7	7.190	1.027	1	20,5	14,9	12,0	19,6	1,7	21,0	12,8	11,9	1,7	4,9%
GTVT & Logistics	7	13.458	1.923	1	13,0	14,5	11,5	18,0	2,8	16,4	16,3	12,7	4,0	3,1%
TỔNG CỘNG	84	263.255	3.134	26	18,4	15,1	12,3	16,9	2,1	21,7	16,9	12,7	2,0	3,3%

Nguồn: Fiinpro, Vietcap

Ghi chú: P/E dự phóng dựa theo dự báo của Vietcap

*FPT được phân loại lại từ nhóm Tiêu dùng sang CNTT

Cập nhật KQKD Q2 2026 – Các cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Tăng trưởng EPS 6T 2026 so với cùng kỳ	Tăng trưởng EPS 2026F	Khuyến nghị cũ	Khuyến nghị mới	Nhận xét
Ngân hàng					
ACB	1%	14%	MUA		KQKD 6T 2026 khả quan, phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi; mảng cho vay khách hàng cá nhân & SME và NIM cải thiện đáng kể
BID	15%	8%	KQ		NIM hồi phục trong quý 2 nhưng vẫn thấp hơn kỳ vọng của chúng tôi
CTG	37%	17%	MUA		Quý 2 bứt phá nhờ NIM cải thiện mạnh, vượt kỳ vọng của chúng tôi
HDB		17%	KQ		
LPB	-3%	-4%	KKQ		KQKD kém hơn kỳ vọng do chi phí hoạt động và chi phí tín dụng tăng mạnh tiếp tục gây áp lực lớn lên đà tăng trưởng lợi nhuận trong quý 2
MBB		20%	MUA		
STB		11%	PHTT		
TCB	15%	15%	MUA		KQKD của ngân hàng vượt kỳ vọng của chúng tôi, đặc biệt là về tăng trưởng tín dụng. Các chỉ tiêu chính khác bao gồm thu nhập từ phí, NIM và chất lượng tài sản đều có xu hướng tích cực.
TPB		5%	MUA		
VCB	37%	19%	MUA		Lợi nhuận cao hơn đáng kể so với kỳ vọng nhờ NIM cải thiện và thu nhập ngoài lãi tăng mạnh
VIB	7%	22%	KQ		Tín dụng tiếp tục tăng trưởng yếu gây áp lực lên lợi nhuận
VPB	66%	29%	MUA		KQKD tích cực được dẫn dắt bởi cả ngân hàng mẹ và mảng kinh doanh chứng khoán; bảng cân đối kế toán mở rộng mạnh mẽ
ĐCTC phi ngân hàng					
BMI		68%	MUA		
BVH		33%	MUA		
SSI		-7%	MUA		
F88	109%	62%	MUA		ROE đạt mức cao mới trong 6T 2026; kết quả kinh doanh phù hợp với kỳ vọng
Tiêu dùng					
CTR		17%	KQ		
DGW	130%	17%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2/2026 tăng mạnh 167% YoY nhờ doanh thu khả quan của mảng máy tính xách tay và thiết bị văn phòng, biên lợi nhuận gộp cải thiện
FPT	15%	14%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2/2026 tăng 14% YoY, nhìn chung phù hợp với dự báo; doanh thu kỳ mới mảng CNTT nước ngoài phục hồi từ mức nền thấp
FRT	119%	44%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2/2026 tăng mạnh 188% YoY, nhờ lợi nhuận của Long Châu tăng trưởng tích cực
MSN (2)		42%	MUA		
MCH		15%	PHTT		
MWG		18%	MUA		

PNJ	11%	11%	PHTT	Ghi nhận lỗ ròng 283 tỷ đồng trong quý 2/2026, chủ yếu do trích lập dự phòng liên quan đến hoạt động mua lại	
QNS		33%	KQ		
SAB		5%	MUA		
TLG		20%	MUA		
VEA		-1%	PHTT		
VHC		25%	MUA		
VNM		6%	MUA		
GTVT & Logistics					
ACV		3%	PHTT		
AST		6%	MUA		
GMD (2)		30%	BUY		
HVN		19%	PHTT		
SCS		-6%	PHTT		
VJC		N.A	KQ		
VTP		-16%	PHTT		
Bất động sản					
DXG		-4%	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS quý 2/2026 được hỗ trợ bởi khoản thu nhập khác; đã nhận đủ số tiền từ việc chuyển nhượng dự án Đại Dương	
DXS		15%	KQ		
HDC	41%	-51%	KQ		
NVL	N.M	-23%	MUA		Lợi nhuận nửa đầu năm vượt dự báo cả năm 2026 nhờ khoản lãi thoái vốn trong quý 2
KDH	218%	52%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS nửa đầu năm 2026 tăng mạnh 221% YoY nhờ khoản lãi thoái vốn bất thường
NLG	-53%	-18%	MUA		Doanh số bán BĐS và lợi nhuận quý 2 thấp hơn dự kiến; dự báo đang được xem xét
VHM	372%	31%	PHTT		Giao dịch bán lô lớn thúc đẩy KQKD 6T 2026, với LNST sau lợi ích CĐTS và doanh số bán BĐS hoàn thành lần lượt 88% và 52% dự báo cả năm
VIC		132%	BÁN		LNST sau lợi ích CĐTS nửa đầu năm 2026 tăng mạnh 33% YoY, phù hợp với kỳ vọng
VRE	33%	-14%	PHTT		
Khu công nghiệp					
GVR		15%	KQ	Lợi nhuận nửa đầu năm 2026 sụt giảm mạnh so với cùng kỳ do thay đổi phương pháp ghi nhận doanh thu, trong khi doanh số cho thuê đất KCN phục hồi mạnh	
IDC		3%	MUA		
KBC		15%	MUA		
PHR		118%	MUA		
SIP		6%	MUA		
SZC	-86%	-59%	KQ		
Vật liệu & Công nghiệp					
ACG		26%	MUA		KQ
BMP		5%	MUA		
DGC		-33%	MUA		
DHC		3%	MUA		

HPG		68%	MUA	
HSG (1)		-5%	PHTT	
NKG		202%	PHTT	
PTB		-19%	KQ	
STK		231%	KQ	
Điện & Nước				
BWE (2)	8%	-8%	MUA	Lợi nhuận mảng nước tích cực trong nửa đầu năm bù đắp cho mức lợi nhuận giảm từ các mảng khác
GEX	-19%	1%	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2 giảm so với cùng kỳ do chi phí lãi vay cao dù lợi nhuận của GEE/VGC tăng mạnh; không có thay đổi đáng kể đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS năm 2026
HDG		22%	KQ	
NT2	61%	-16%	MUA	Sản lượng điện thương phẩm tăng mạnh 57% YoY thúc đẩy tăng trưởng LNST; tiềm năng điều chỉnh tăng
PC1		N/A	N/A	
POW	350%	20%	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi 6T 2026 tăng gấp đôi YoY, hoàn thành 115% dự báo năm 2026 của chúng tôi; triển vọng 6T cuối năm tích cực, tiềm năng điều chỉnh tăng đáng kể
PPC		99%	KQ	
QTP		-35%	MUA	
REE		17%	MUA	
TDM (2)	-47%	0%	KQ	LNST sau lợi ích CĐTTS 6T 2026 hoàn thành 64% dự báo cả năm, phù hợp kỳ vọng.
TV2	370%	46%	KQ	LNST 6T 2026 tăng gấp 3 lần YoY, khoản trả trước lớn từ khách hàng hỗ trợ doanh thu EPC, tiềm năng điều chỉnh tăng dự báo
DPG		-4%	MUA	
VGC	3%	12%	MUA	LNST quý 2 tăng trưởng nhờ diện tích bàn giao KCN tăng gấp đôi so với cùng kỳ và đã phục hồi đúng tiến độ của mảng VLXD, phù hợp với kỳ vọng
Dầu khí				
BSR		215%	PHTT	
DCM (2)	55%	61%	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2 +36% YoY, +36% QoQ nhưng có rủi ro điều chỉnh giảm dự báo LNST 2026
DPM		82%	PHTT	
GAS		10%	MUA	
OIL (2)		39%	KQ	
PLX (2)		19%	MUA	
PLC		834%	MUA	
PVD (2)		55%	MUA	
PVS (2)		7%	MUA	
PVT (2)		49%	MUA	

(*) Ghi chú: Chúng tôi sẽ cập nhật kết quả của từng công ty khi KQKD được công bố. (1) Năm tài chính của HSG bắt đầu từ ngày 01/10 đến ngày 30/09. Do đó KQKD quá khứ trên là tăng trưởng của EPS quý 2 + quý 3 năm tài chính 2026. (2) Dựa trên LN cốt lõi, không bao gồm các khoản bất thường.

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Δ
VNIndex	1.735,78	-8,88
VN 30	1.872,07	-14,20
VN Mid	1.873,40	-9,19
VNSmall	1.232,51	-7,11

Sàn GDCK Hà Nội (HNX)

	Điểm	Δ
HNXINDEX	271,25	-3,80
HNX30	453,35	-6,01
VNX Allshare	2.771,77	-21,99

Sàn Upcom (UPCOM)

	Điểm	Δ
UpCom	126,59	0,09

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	3.081,6	16,2%
Khối ngoại mua	2.462,3	12,9%
Khối ngoại bán	2.773,0	14,6%
Tổng giao dịch	19.048,3	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	414,5	37,0%
Khối ngoại mua	19,5	1,7%
Khối ngoại bán	55,9	5,0%
Tổng giao dịch	1.119,5	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	34,3	10,1%
Khối ngoại mua	8,3	2,4%
Khối ngoại bán	23,8	7,0%
Tổng giao dịch	338,9	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
TAL	1.450	7,0%
FRT	8.100	7,0%
HII	460	6,9%
VCB	2.800	5,0%
TCI	400	4,1%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
KSV	10.100	9,9%
L40	900	4,0%
SHN	200	2,3%
DL1	100	2,2%
TNG	300	1,7%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
POM	286	10,2%
SCL	1.396	6,2%
VGI	3.181	4,1%
VNZ	19.231	4,0%
AIG	1.859	3,6%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
PNJ	-1.500	-4,6%
PVD	-750	-4,0%
EVG	-160	-3,7%
PDR	-400	-3,4%
VDS	-400	-3,3%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
BVS	-1.100	-4,2%
THD	-4.000	-3,2%
IDJ	-100	-2,6%
PLC	-500	-2,6%
SHS	-400	-2,6%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
TCD	-197	-11,6%
PVX	-87	-5,8%
DHB	-604	-4,3%
TV1	-433	-2,2%
BGE	-62	-2,1%

(*) GT vốn hóa > 500 tỷ đồng VND, Giá trị GD > 1,5 tỷ đồng

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
VCB	1.088,8
VHM	995,3
VIC	971,9
GEX	803,2
VIX	703,0

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
HUT	488,6
SHS	135,6
MBS	95,7
PVS	82,3
CEO	52,9

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
ABB	61,4
MSR	36,2
VGI	35,1
TIN	28,0
OIL	15,6

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
TCI	2.042.222	53.101
HTN	1.127.655	101.639
DBD	1.075.403	102.053
AGG	3.007.225	420.343
VCB	18.377.788	4.060.403
OCB	15.017.477	4.338.520
FRT	1.523.364	441.896
HVH	497.495	178.137
AFX	470.182	185.955
PVD	19.093.431	7.719.849

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
VHE	1.723.503	109.366
SRA	178.833	51.683
DL1	454.600	205.368
LIG	184.401	104.010
HUT	5.375.435	3.249.788
PVC	639.265	422.168
PSI	792.815	525.487
DXP	199.824	153.262
PLC	146.740	113.316
MST	3.055.809	2.390.658

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
VKC	1.096.501	79.404
PVX	1.783.487	142.937
POM	3.378.948	388.091
TCD	1.496.075	189.580
DSH	565.810	74.760
DFF	415.470	98.146
DVG	217.600	61.909
BGE	455.543	155.729
SCL	318.695	113.996
DHB	196.354	91.651

(*) Có ít nhất 50.000 cổ phiếu giao dịch trong phiên hôm nay

Top 5 mã vốn hóa lớn nhất của mỗi ngành

Dịch vụ tài chính **

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.504		14,6	2,0	14,1%
TCX	4.323	90,7%	18,3	2,5	13,7%
VCK	2.868	96,3%	16,2	2,4	17,2%
SSI	2.238	70,1%	11,0	1,5	13,4%
VPX	1.810	95,8%	8,8	1,3	16,2%
HCM	1.282	14,8%	18,9	2,3	9,8%

Bảo hiểm

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	555		11,0	1,4	13,0%
BVH	1.695	21,7%	13,4	1,7	13,2%
PVI	630	43,1%	12,5	1,8	15,2%
BIC	163	7,6%	10,0	1,3	13,1%
VNR	152	22,8%	8,7	1,0	11,3%
MIG	134	82,9%	10,6	1,3	12,4%

Công nghiệp

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.469		13,2	3,1	25,6%
ACV	5.361	47,3%	12,6	1,9	15,8%
MVN	2.370	0,0%	22,6	4,0	19,0%
VEA	1.739	47,6%	5,9	1,9	28,0%
GEE	1.626	49,0%	12,0	5,3	45,6%
GMD	1.248	8,4%	12,7	2,4	19,4%

Hàng tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.673		17,3	4,2	24,6%
MCH	7.005	84,4%	26,0	9,9	40,1%
VNM	4.837	50,5%	11,6	4,0	33,9%
MSN	3.668	75,9%	14,3	2,4	19,4%
SAB	2.123	41,3%	11,7	2,9	22,3%
SBT	732	80,4%	23,2	1,7	7,3%

Dầu khí

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.650		15,0	1,3	10,0%
BSR	4.824	47,9%	6,5	1,7	30,2%
PLX	1.608	6,0%	23,8	1,7	0,0%
PVS	663	33,3%	8,3	1,1	13,9%
PVD	640	41,5%	14,2	1,0	0,0%
OIL	514	6,4%	22,3	1,3	5,7%

Tiện ích

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.084		9,3	1,7	19,5%
GAS	6.290	47,0%	13,0	2,4	18,9%
POW	1.586	45,4%	6,5	1,0	16,5%
REE	1.101	0,0%	11,0	1,3	12,6%
PGV	971	50,0%	5,2	1,4	28,3%
DNH	474	0,0%	10,6	2,3	21,3%

Bất động sản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	18.569		79,2	5,1	28,6%
VIC	63.153	44,9%	73,3	9,8	14,8%
VHM	23.116	43,1%	7,6	2,3	32,7%
KSF	2.684	50,0%	4,6	3,3	77,4%
VRE	2.141	37,7%	7,8	1,1	15,0%
THD	1.751	48,9%	302,6	9,1	3,3%

Ngân hàng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	10.741		8,1	1,4	18,3%
VCB	18.829	9,9%	11,9	2,0	17,9%
BID	10.513	12,5%	8,4	1,4	18,2%
CTG	9.091	5,5%	6,0	1,2	21,9%
TCB	7.796	1,4%	7,6	1,2	15,7%
VPB	7.477	6,7%	6,6	1,1	17,7%

Dịch vụ tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.277		27,2	4,3	26,4%
VPL	5.425	42,7%	47,9	3,2	7,7%
MWG	3.920	0,0%	10,5	2,9	29,2%
VJC	3.653	23,8%	44,2	3,7	8,6%
HVN	2.542	21,5%	13,7	7,1	58,8%
FRT	845	17,4%	19,6	4,6	27,5%

Vật liệu cơ bản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.916		11,1	2,5	27,0%
HPG	6.962	27,5%	7,9	1,3	17,4%
GVR	4.180	12,4%	15,4	1,8	12,2%
MSR	1.544	99,9%	16,7	2,8	19,0%
KSV	1.275	0,0%	9,5	5,1	62,9%
DCM	618	42,6%	6,2	1,4	23,7%

Y tế

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	243		36,7	2,9	15,7%
DHG	460	46,0%	12,6	3,5	24,1%
IMP	205	5,3%	15,0	2,3	15,6%
DHT	203	9,3%	133,1	4,8	3,7%
DBD	178	83,4%	16,1	2,7	16,6%
DVN	168	-0,0%	6,6	1,2	18,4%

Công nghệ

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	959		-4,3	1,4	7,9%
FPT	4.371	21,9%	11,4	2,9	26,5%
CMG	215	13,6%	13,7	1,7	0,0%
SAM	89	48,5%	20,7	0,6	2,8%
ELC	62	46,6%	12,2	1,2	10,5%
SGT	58	-5,5%	-79,6	0,7	0,0%

Nguồn: Fiinpro, Vietcap

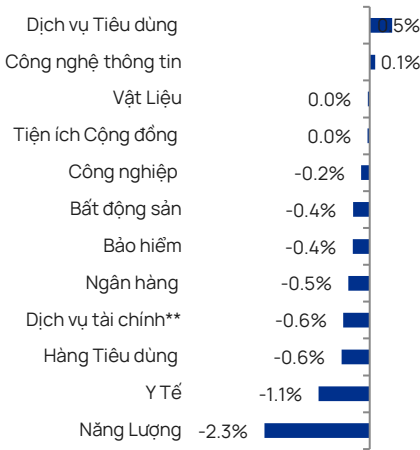
* Phân ngành theo ICB, GT vốn hóa (triệu USD), FOL còn lại (%)

** ngoại trừ ngân hàng

Diễn biến hằng ngày theo ngành

Sàn giao dịch chứng khoán

Tp. Hồ Chí Minh (HSX)

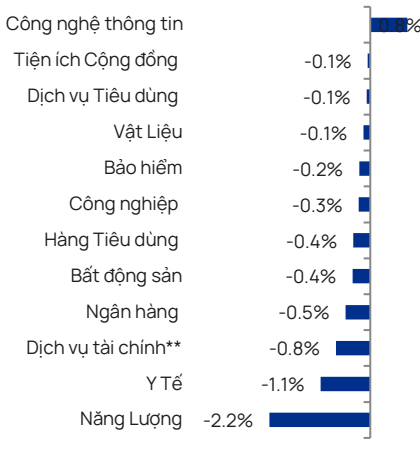


Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)

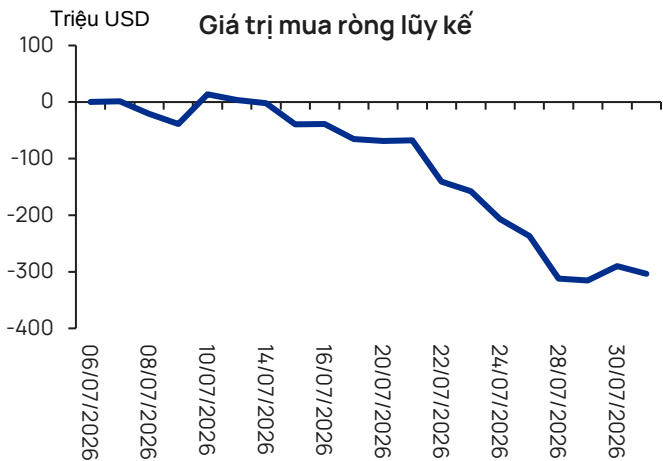


Sàn giao dịch chứng khoán

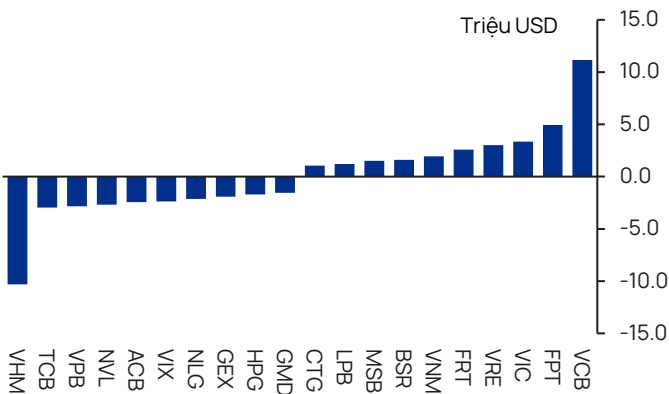
Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội (HSX+HNX)



GTGD của khối ngoại cộng dồn trong 20 ngày
(HSX, HNX, UPCOM)



Các mã khối ngoại mua ròng và bán ròng cao nhất nhất
(HSX, HNX, UPCOM) trong ngày

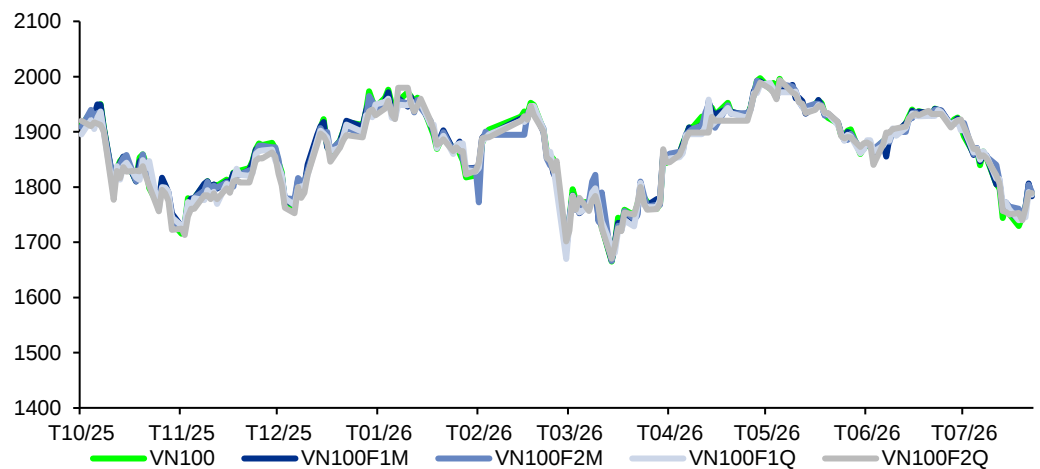
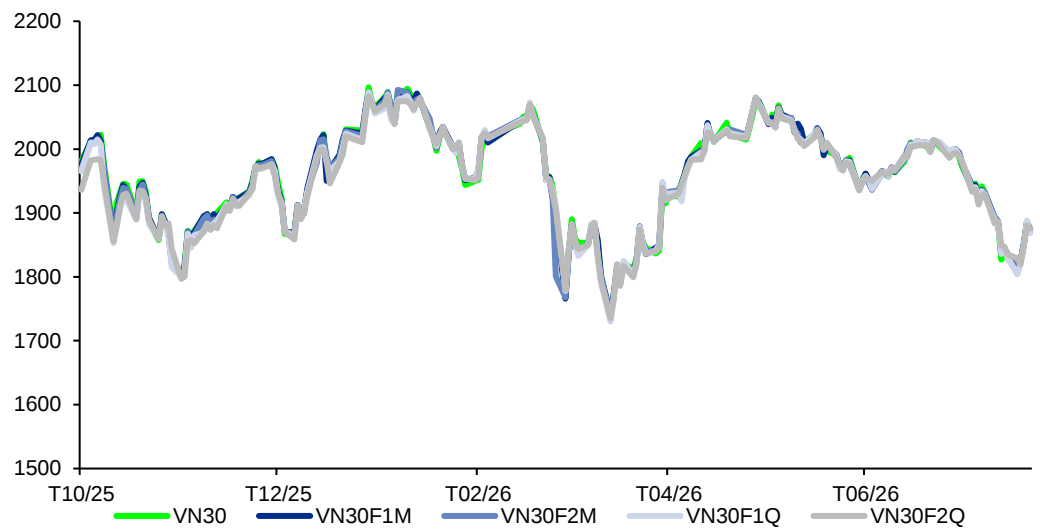


Nguồn: HSX, HNX, Fiinpro
** ngoại trừ ngân hàng

Giao dịch Phái sinh

Hợp đồng	Giá	Net Δ	% Δ	Chênh lệch
VN30F1M	1.875,0	-9,8	-0,5%	25,9
VN30F2M	1.872,0	-13,0	-0,7%	22,9
VN30F1Q	1.868,5	-19,4	-1,0%	19,4
VN30F2Q	1.875,5	-4,4	-0,2%	26,4
VN100F1M	1.783,1	-23,3	-1,3%	20,5
VN100F2M	1.790,6	-13,3	-0,7%	28,0
VN100F1Q	1.786,1	-4,9	-0,3%	23,5
VN100F2Q	1.789,0	0,1	0,0%	26,4

Hợp đồng	Khối lượng	% Δ	KL giao dịch	%Δ
VN30F1M	40.150	-2,1%	195,69	-14,8%
VN30F2M	1.856	28,2%	0,40	-13,5%
VN30F1Q	819	1,2%	0,04	-31,0%
VN30F2Q	117	30,0%	0,03	-41,9%
VN100F1M	56	-5,1%	0,01	-52,4%
VN100F2M	13	-13,3%	0,00	-66,7%
VN100F1Q	21	-8,7%	0,01	0,0%
VN100F2Q	9	0,0%	0,00	-33,3%

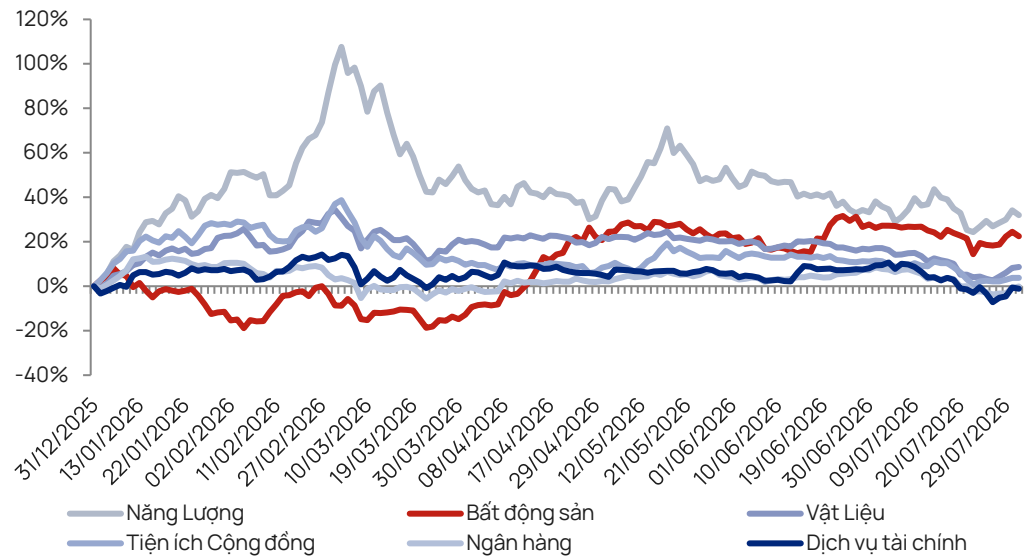


Nguồn: Fiinpro, Vietcap

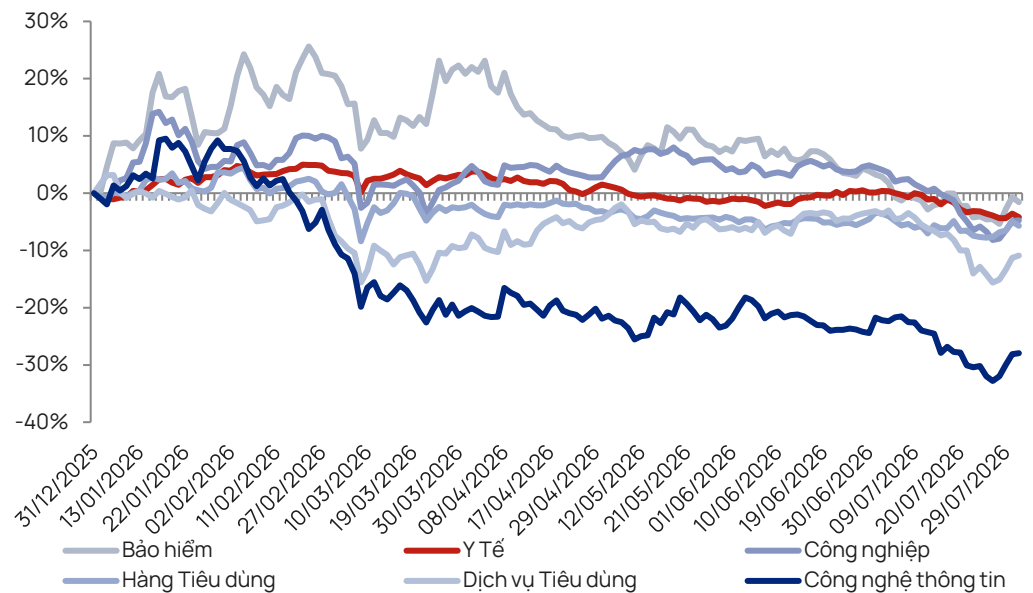
Ghi chú: F1M = hợp đồng đáo hạn trong 1 tháng
 F2M = hợp đồng đáo hạn trong 2 tháng
 F1Q = hợp đồng đáo hạn trong 1 quý
 F2Q = hợp đồng đáo hạn trong 2 quý

Diễn biến theo ngành có trọng số YTD trên sàn 3 sàn

6 nhóm ngành tích cực nhất*



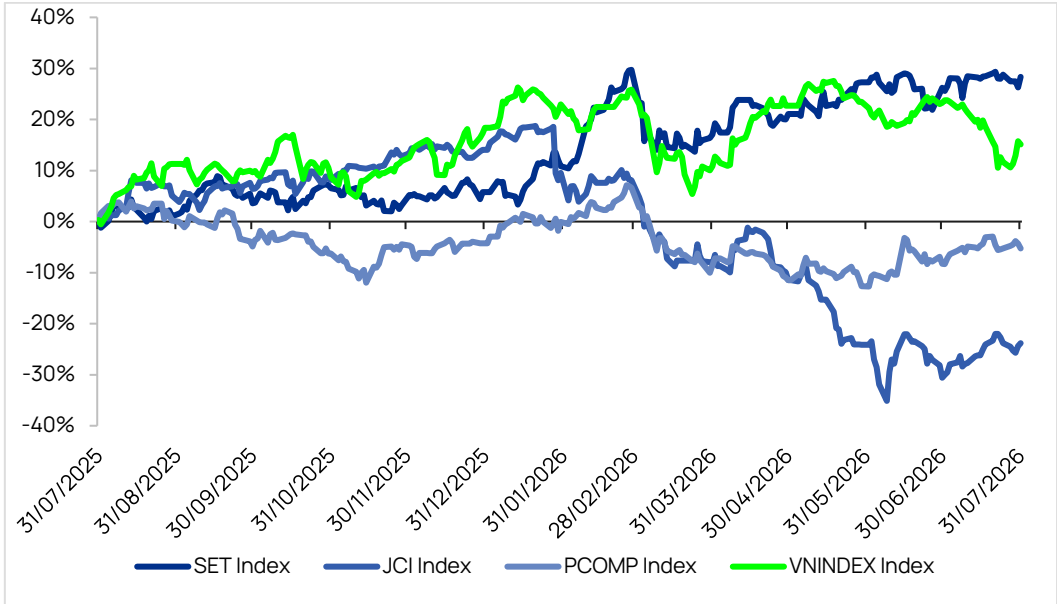
6 nhóm ngành kém tích cực nhất*



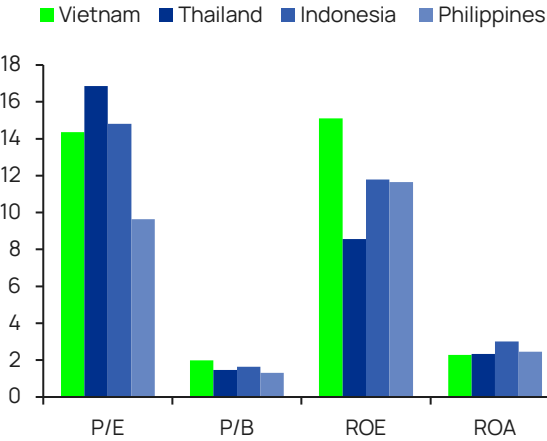
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB

Diễn biến các thị trường trong khu vực



Ghi chú: dựa theo giá trị đồng tiền của các quốc gia tương ứng



	Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
	SET Index	JCI Index	PCOMP Index	VN- Index
P/E	16,9	14,8	9,6	14,4
P/B	1,5	1,6	1,3	2,0
ROE (%)	8,6	11,8	11,6	15,1
ROA (%)	2,3	3,0	2,5	2,3
Giá trị vốn hóa, tỷ USD	609,2	581,8	147,5	306,1
GTGD trung bình, tr USD	1.626,0	1.166,0	81,8	953,4
Mua ròng khối ngoại - YTD, tr USD	2.234,8	-4.145,8	-178,3	-3.371,8
Mua ròng khối ngoại - 5 ngày, tr USD	(101,6)	406,8	2,9	(81,0)
Lợi suất TPCP 5 năm	1,60%	7,33%	7,13%	4,21%

Nguồn: Bloomberg, Vietcap

Ghi chú: Nếu tỷ lệ P/E, ROE, ROA là N/A, cột P/E, ROE, ROA tương ứng sẽ không thể hiện

Dữ liệu P/E sử dụng lợi nhuận pha loãng

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

www.vietcap.com.vn

Trụ sở chính (1): Bitexco

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15,
Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 3914 3588

Trụ sở chính (2): Nguyễn Huệ

Tòa nhà Vinatex, Tầng 3, Số 10 Nguyễn Huệ,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
+84 28 8882 6868

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tòa nhà Doji, tầng 16, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 8882 6868

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo, tầng 6
Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
+84 24 6262 6999

Phòng giao dịch Mỹ Đình

SAP.A09 Tòa A – Chung cư cao tầng HH2-1 (The Matrix One)
Phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội (Số 1 Lê Quang Đạo)
+84 28 8882 6868

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Research Team: +84 28 3914 3588
research@vietcap.com.vn

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
nam.hoang@vietcap.com.vn

Ngân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

Huỳnh Thị Hồng Ngọc,
Trưởng phòng, ext 138
- Vũ Thế Quân, Trưởng phòng, ext 364
- Hồ Thu Nga, Chuyên viên, ext 516
- Đinh Kiến Vương, Chuyên viên, ext 468

Vĩ mô
Hoàng Thúy Lương
Trưởng phòng cao cấp, ext 368
- Đào Minh Quang, Chuyên viên, ext 365

Hàng tiêu dùng

Bùi Nguyễn Cẩm Giang
Trưởng phòng cao cấp, ext 125
- Bùi Xuân Vĩnh, Chuyên viên cao cấp, ext 584
- Lý Phúc Thanh Ngân, Chuyên viên cao cấp, ext 532
- Nguyễn Thảo Nguyên, Chuyên viên, ext 268

Dầu khí, Điện và Nước
Đinh Thị Thùy Dương
Phó Giám đốc, ext 140
- Dương Tấn Phước, Chuyên viên cao cấp, ext 135
- Đỗ Công Anh Tuấn, Chuyên viên cao cấp, ext 181
- Phạm Phú Lộc, Chuyên viên, ext 549

Bất động sản

Lưu Bích Hồng
Trưởng phòng cao cấp, ext 120
- Phạm Nhật Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 149
- Thân Như Đoàn Thực, Chuyên viên cao cấp, ext 174

Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng
Nguyễn Thảo Vy
Trưởng phòng cao cấp, ext 147
- Nguyễn Thị Ngọc Hân, Chuyên viên, ext 191
- Hoàng Gia Huy, Chuyên viên, ext 526

Khách hàng cá nhân

Vũ Minh Đức - Phó Giám đốc, ext 363
- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Trưởng phòng, ext 129
- Tống Hoàng Trâm Anh, Phó Trưởng phòng, ext 366
- Lê Hải Đăng, Chuyên viên, ext 570
- Võ Phan Hồng Kiệt, Chuyên viên, ext 470

Phòng Tư Vấn Đầu Tư và Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức

Anthony Le
Giám đốc
Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức
+84 28 3914 3588, ext 525
anthony.le@vietcap.com.vn

Châu Thiên Trúc Quỳnh
Giám đốc điều hành
Phòng Tư Vấn Đầu Tư
+84 28 3914 3588, ext 222
quynh.chau@vietcap.com.vn

Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại) / giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi Vietcap đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này, Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành, Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước, Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này, Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt, Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.